

TRUNG BAC

CHU NHAT

Ba cái gươm của cụ Hoàng Văn Thụ

Hôm nay tôi viết bài này để tưởng nhớ
thầy tôi năm 1945, cụ Mãng là một
quê hương của tôi. Tôi đã được tận
nhìn cụ ở đây. Tôi đã được tận mắt
thấy cụ và các con Hoàng Văn Thụ. Tôi đã được tận
đ mắt gần với cụ. Tôi đã được tận mắt
gặp cụ trong giờ phút cuối cùng của đời
cụ. Tôi đã được tận mắt thấy cụ nằm trên
nệm, tay trái đặt lên ngực, tay phải đặt
chó lớn, thầy tôi để các vật dụng của
ngôi nhà này lên trên bàn, tôi nhìn
kể từ từ mà gặp, người tôi thấy thật
khó khăn cho nó. Tôi thấy thầy tôi nằm
kể về các tên quân thù. Tôi thấy
cụ nằm trên một chiếc giường nhỏ.
Tôi thấy cụ nằm trên một chiếc giường nhỏ.

MỘT SÀN TỰ TỊCH
CỦA
NGUYỄN VĂN VINH

NGUYỄN VĂN VINH
CHU THƯƠNG

Tuần-lễ Đông-Dương

— Theo sắc-lệnh ký ngày 1er Avril 1944 sửa đổi điều thứ 5 trong sắc lệnh ngày 10 Février 1942 về việc bãi trừ nạn nghiện rượu, và ban hành ở Đông-dương do/nghị - định ngày 21 Avril 1944, từ nay việc quảng-cáo bằng cáo-bạch, biển quảng-cáo, báo chí, và-tuyển-điện truyền thanh hay chiếu bóng, nói chung tất cả là bất cứ quảng-cáo bằng cách gì cho các thứ rượu đã nói trong khoản 1 và 3 ở đạo sắc lệnh 10-2-42 đều bị cấm hẳn.

— Theo nghị-định quan Toàn-quyền ngày 21 Avril tại trường Kỹ-nghệ thực-hành Hanoi sẽ mở một ban đặc biệt về nghề dệt máy.

Ban này sẽ mở cho học sinh năm thứ nhất: ban Kĩ-aghê thực-hành và hạn học ít nhất là 2 đến 3 năm. Những thí sinh có bằng Brevet élémentaire, DEPSI hay một bằng tương-đương sẽ được tuyển lựa trước tiên.

— Tiền phụ-cấp để in luận-án thí bác-sĩ (thèse de doctorat) trước định niên nhất là 300 p. nay được tăng lên 600 p.

— Trong những trận ném bom ở Bắc-kỳ hôm 1er Mai, có 1 người Đông-dương chết.

(Thông cáo).

— Chiếc thông-báo-hạ-m « Tahure » của thủy quân Đông-dương và chiếc tàu « Song-giang » của công-ty duyên-hải Trung-kỳ đã bị một chiếc tàu ngầm phóng thủy-lô đánh chìm, cái trước cái sau cách nhau trong vòng vài phút, vào đêm 29 rạng ngày 30 Avril ở ngoài khơi bờ biển Đông.

dương trong khi hai chiếc cùng đi thành đoàn.

Chiếc thông-báo-hạ-m « Tahure » bị chìm không đầy một phút mang theo cả sĩ-quan, hạ-sĩ-quan và một phần lớn thủy-thủ.

Tàu « Song-giang » chìm chậm hơn, vì vậy một số đồng thủy-thủ được cứu thoát.

— Do theo nghị-định của quan Thống-đốc Nam-kỳ ngày 17 Avril 1944 trong địa phận xứ Nam-kỳ (trừ ra địa phương Saigon-Cholon) những người nào có trữ lúa, gạo và tấm (diễn chủ, nông dân, chủ thuyền bè, người chở chuyên, người buôn lúa, chủ nhà máy, nhà xuất cảng) buộc phải khai số lúa, gạo, tấm của họ trữ.

Người nào hưởng dụng các kho hay vựa trong ấy có trữ lúa, gạo hay tấm đều bị kê như là kê tịch trữ, dù họ là chủ hay chỉ là người mượn kho, vựa ấy mà thôi.

Ái có trong nhà 20 gia hay 400 ki-lô lúa trở lại hay 200 ki-lô gạo và tấm thì không phải khai.

Về phần lúa chờ dưới thuyền người lính chờ phải lo khai và biển trong tờ khai số hiện của thuyền dùng chờ lúa ấy.

Nhà nước sẽ cho kiểm gấy dùng để khai.

Ái có trữ lúa gạo và tấm mà chẳng chịu khai hay khai không đúng số thì sẽ bị làm biên bản phạt và tờ biên bản ấy sẽ gửi đến tòa lập tức.

Những sự vi-phạm sẽ bị trừng-trị theo điều thứ 16 và 29 của đạo luật ngày 14 Mars 1942.

Ngoài ra số lúa, gạo và tấm

không khai đó sẽ bị sung vào số Mễ-độc Đông-pháp. Số này trả tiền mỗi tạ từ hơn 1 p. giá định nơi thi-trường ngày sang công ấy.

— Phủ Toàn-quyền nhận được nhiều đơn của những người bị nạn trong những trận máy bay đánh phá mà nhà của đã bị hủy-hoại. Những đơn đó xin trợ-cấp để được cứu giúp ngay.

Nay xin nhắc lại rằng các đơn xin như vậy phải gửi tới các quan thủ-hiến các xứ để rồi sẽ chuyển giao cho phòng Thanh-tra Lao-động. Các quan chức ở đấy có quyền chuyển đạt tới ban Cứu-tố Pháp Nam là ban giữ nhiệm vụ cứu giúp các người bị nạn.

Nếu gửi đơn lên quan Toàn-quyền thì sự xét đơn và chấp đơn thêm chậm ra.

— Theo điều quyết-định của quan Thống-đốc Nam-kỳ ngày 26 Avril 1944, kế hoạch phòng-thả của đô-thị liên-hiệp Saigon — Chợ-lớn — Gia-dinh bắt đầu thực-hành từ ngày ấy.

Và cho công chúng biết rằng trong thời-gian có các cuộc báo động, cấm ngặt dừng những thanh-âm hay những tiếng báo hiệu giống như các tiếng dùng để báo động và dứt báo động. Ái bất tuân sẽ bị trừng phạt theo điều thứ 18 của sắc-lệnh ngày 2 Mai 1939.

— Đêm mừng 5 rạng mừng 6 mai, máy bay Mỹ đã ném bom xuống Đông-triều, Hải-phong và các ven sông Hồng-hà (thuộc địa phận tỉnh Hưng-yên) không có người nào thiệt mạng.

(Thông cáo)

Nhân ngày 2 Mai là ngày giỗ...

Nguyễn văn Vinh⁽¹⁾

Những đức tính đó, ông đem ra ứng dụng một cách bình dị hơn, dễ gần hơn, trong những cuộc giảng kinh ở các đền chùa, ở những buổi nói chuyện của hội Đông-kinh nghĩa-thục và những buổi diễn-thuyết của trường Tri-tri ở hội-quán Đông-kinh ở hàng Đào và hàng Bạc. Đến tận bây giờ, người ta vẫn còn nhớ đến những bài diễn thuyết đó, hùng-hồn mà không thiếu về thân mật, rộn rập mà thiết-tha, thật đã có ích cho cái đám đại chúng hằng khát yêu nước, thiết-tha yêu nước lúc đó vô cùng vậy. Hồi đó, nước ta chả thiếu người thanh-thục, sốt-sắng, không ngần ngại, mỗi khi có một vấn đề gì hữu ích cho quốc-dân, là dấn dạn diễn thuyết ngay; nhưng đại đa số là các ông nhà nho không hiểu mấy về cái thuật thuyết pháp, cái phép thời miên đại chúng và tâm lý của thính-giả nên bao giờ Nguyễn văn Vinh, một người mới nhất trong đoàn đó, cũng được hoan nghênh hơn. Chúng tôi rất tiếc không thể thuật lại nhiều những buổi diễn thuyết đó ở đây, chỉ xin nhắc một vài vấn đề mà ông đã nói ở hội quán Tri-tri trong mấy năm 1904, 1905, 1906, 1907. Câu chuyện ông đem nói đi nói lại rất nhiều lần là vấn đề ca dao tục ngữ ở thôn quê Việt-nam — câu chuyện mà sau này ông Phạm Quỳnh sẽ nhắc lại trên diễn đàn và đem in thành sách. Ông rất chịu khó sưu tầm các phong dao tục ngữ, các câu hát nhà quê, những câu hát gặt lúa, dặm vè, phường nón, phường vải ván, và tất cả những cái đó, ông gọi chung là «nền văn chương truyền khẩu của Bắc-kỳ» «La littérature orale du Tonkin». Về sau này, ta sẽ còn thấy ông viết nhiều về vấn đề này; ông

đem dẫn giải những câu hát nhà quê — về diêm này ông cũng lại là một tên lính tiền phong nữa — ông giới thiệu ta trăm ngàn câu về, câu ví mới do một nguồn cảm xúc khác, chảy ra (1914) và đã làm cho nhiều thính-giả ngạc nhiên thán phục cái hay êm đềm, dịu dàng có rất nhiều thi vị của những câu hát miền Hà-dông là chỗ ông sinh trưởng (xem «Trẻ con hát, trẻ con chơi»). Đó là việc sau. Năm 1905, Ng. văn Vinh nổi tiếng nhất về hai bài diễn thuyết mà thời đó, và ngay cả bây giờ nữa, nhiều người chịu nhận rằng ông khảo cứu rất công phu. Đó là bài diễn thuyết về phong tục của các nước trên doanh hoàn, những sự tin ngưỡng và cả cái trí óc thông minh của con người ta nữa «Muốn khảo về vấn đề này, ta phải nhìn vào nền văn học, cùng những truyện cổ tích, truyền kỳ và những câu hát bình dân trước đã. Ta sẽ nhận thấy rằng cái trí khôn con người ta ở đời giống nhau một cách tài tình. Các sự tích của người Ít-lạp nói về Cronos nuốt con, ở Úc châu Phi châu và nhiều nơi khác cũng có. Truyện xuống Địa-ngục là một đoạn truyện dằng mãnh mà nhiều nước trên địa-cầu này vẫn kể đến luôn. Nhiều truyện thần-tiên của Perrault và Grimm na ná với những truyện cổ-tích của Á-Đông và của Polynésie. Thần thoại là một hiện-lượng tối cần, khắp cả hoàn cầu đều có, mà nước nào cũng bị đặt giống nhau. Người ta có thể ngờ rằng những sự phát-biểu của các bản năng bị đặt ấy là do những luật lệ chi phối, giống như những luật lệ đã chi phối việc lập ra những ngôn ngữ vậy. Tìm hiểu những cái lệ luật đó ra sao, đó là công việc của tương-lai. Trong khi chờ đợi, chúng ta hãy xét về việc đã và chúng ta thử cố tìm hiểu xem ra thế nào.

«Cái thời chúng ta ở bây giờ có vẻ muốn thiên về những cái gì thuộc đời cổ sơ. Sơ dĩ có sự khuyh-hương như thế là vì lòng người bao giờ cũng có tính tò-mò về khoa-học, đã đành rồi; nhưng còn vì những phong-tục của linh-thành nó giam-hãm người ta ở trong những phổ-phương đông-dúc, chối buộc người ta vào bao nhiêu những công việc xã-hội, làm ngăn trở sự phát-triển của những bản-năng về sinh lý của người ta. Chúng ta cảm-giác mơ-hồ như thường-nhớ một cái gì đã qua mỗi qua đi mất đã lâu rồi: cái đó là đời sống tự nhiên của g'ông ta. Cơ thể cổ truyền của ta khảo-khát sự hoạt-dộng của ông cha ta ngày xưa nên bây giờ ta săn-bắn, ta đi du lịch, ta tập thể-thao. Ngay những người tưởng như thoát khỏi những tâm-tĩnh di-truyền đã căng ra gọi lại những thời-gian đã qua bằng cách xem văn, đọc truyện. Ngồi chằm-chê trong một cái ghế bành, cửa sổ đóng kín, mà ngoài kia thì phố-xá được lính cảnh-sát giữ-gìn sự tri-an cẩn-thận, chúng ta sống lại một cách sướng khoái cái đời của những người chết khờ-sở dưới nanh-vuốt của hùm-beo, những người bị aurochs trả đũa hay bị chết đói chết rét ở trong hang đá.

Những nhà phong-tục học còn cho ta biết rằng cái đời cổ sơ của ông cha ta còn rớt lại nữa trong cái đời mới của chúng ta. Đối với họ, họ không phân-biệt một người dân bà botocudo, đứt một miếng trâm quạ mũi với một bà mệnh-phụ số lỗ tai để đeo kim-cương giữa một cái vòng

bằng ngọc-trai và một cái vòng bằng răng cá mập; họ không phân-biệt một bà dài các đánh phấn trắng lớp với một mẹ một ở xứ Polynésie bởi mỡ hống và thuốc súng vào mặt cho đen như đất chảo.

Những nhà phong-tục-học bày tỏ rằng cái bà chúa của ban ngày mà ta thường gọi là cái mặt đỏ bất quá chỉ là cái rớt của một quan-niệm man-dã dùng để chia đẳng cấp và sự giàu-ngèo trong xã-hội. Nói về những cảm-tĩnh trái ngược của người dân bà ban ngày thì e-lệ thẹn-thùng mà đêm đến thì bận những quần áo ngắn để khiêu-vũ, những nhà phong-tục học đó đã có nhiều luận-thuyết.

Bài diễn-thuyết đó đối với thời bấy giờ là một sự thú vị khó tả, những lời tha-thiết mà tài tình. Những người đi bước sau này không thể nào tưởng-tượng được ảnh-hưởng của bài đó lớn-lao như thế nào, dư luận chung quanh nó sồn-sao như thế nào!

Còn nhớ lúc đó, cuộc binh-dịnh mới xong, dân ta chưa bỏ cái lối học nhố của người Tàu, mà một người Nam trên dưới hai mươi tuổi lên diễn đàn nói được như thế kể đã đáng làm cho người ta kinh phục.

Và Nguyễn văn Vinh diễn-thuyết bằng tiếng Pháp như thế luôn luôn: Một bài nữa mà người ta còn nhớ đến bây giờ là một bài bàn về luân lý và khoa-học như gọi hồn những người thông trí và cả những người bị-trị trên hoàn cầu:

Giáo-sư ta hiểu rõ hơn được sự nhu-cầu về vật-chất của người ta, và biết cách lợi-dụng

CÓN RẤT 11

L. A. GIA
Danh nhân truyện
của HẢI TRẦN — giá 2p90
THANH NIÊN CA
Sách âm-nhạc
của ĐÀO HỢP — giá 1p00

ĐÃ CÓ BẢN:

Mẹ tôi

Quyển đầu tiên loại
sách gia đình
của Nguyễn-khắc-MÂN
Giá: 8p80

SẮP IN:

ANH THU ĐỜI MẠC
của Chu Thiệu

VIỆT SỬ ĐẠI TOÀN
của Mai dương Đệ

VIỆT SỬ GIẢI THOẠI
của Đào Trinh Nhất

ĐẠI HỌC THƯ XÃ 181 Bâ Henri d'Orléans Hanoi

Belle Postale N° 9

Giám đốc: **LÊ MỘNG CẦU**

(1) Xem tờ số 201.

cực khôn-khéo các tư cách của cá-nhân, mà lại có lòng thiết-tha, lớn-trọng các hình-thức cuộc phát-triển và tiến-bộ của cá-nhân, thời đại thiên nhiên là cơ sở để luận-lý. Nhưng luận-lý là ở chỗ trong tâm lòng thiết-tha ấy. Tuy khoa sinh-vật có thể giúp ta thích-dụng cái chỉ làm 1 cách hiện một cách thiết-thực hơn, nhưng đối với cuộc hành-cộng của cá-nhân tuy nhiên nó không có cái quan-hệ nhân-quả vậy. Sinh vật-học chẳng qua chỉ vạch cho ta biết đâu là điều hay lẽ phải theo nghĩa người, cái công ấy kể cũng đã to lớn rồi. Duy luận-lý mới có quyền sai khiến ta thực-nam điều hay lẽ phải ấy. Khi nên luận-lý chỉ báo ta biết được rằng điều hay lẽ phải ấy phù hợp với điều hay lẽ phải theo nghĩa luận-lý.

Nay chúng ta phải theo gương các nhà học giả người Pháp mà giải - quyết vấn đề sau này nó đã làm họ băn - khoăn rối rít. Ta xin đoán đây là bắt buộc người đời phải tuân theo các điều luận - lý ? Phải chăng vì tôn giáo không đủ thế-lực ? Ta e rằng khoa-học cũng chẳng hơn gì ? Vẫn biết khoa-học có một cái thế lực không ai chỉ-nghị nổi, nhưng khoa - học chỉ phải một địa-hạt riêng biệt, khác hẳn địa-hạt của luận - lý. Khoa sinh vật - học chuyên về nhận-sinh cũng chẳng hơn gì khoa đồng-sinh vật-học, đều không trả lời được câu hỏi trên kia. Là một khoa - học, sinh vật-học chỉ quan-sai cái hiện có. Luận-lý trái lại, yếu-tử của cái phải có. Nhận thấy cái luật tiến-hóa của xã-hội loài người, chưa phải là tôn trọng các luật ấy đã hiểu biết cái ích-lợi của sự tôn trọng ấy cũng vậy.

Luận tiến-hóa ấy đối với lương-tâm tuyệt nhiên không có tính cách vơ bách. Lương-tâm chúng quia chỉ tuân theo cái nghĩa-vụ tự mình đề-khởi mà thôi, lương-âm không đi tìm phương-châm ở bên ngoài. Lương-tâm cũng cần công ích, nhưng chỉ cần công-ích khi nào đã nhận ra rằng xã-hội và bản thân đều có giá-trị đạo-dức.

Trong một bài thuyết-minh của Bergson hiện-sinh mà tôi đã có dịp được biết, tiến-sinh tự hỏi nếu học-thuật hiện đại ngày từ lúc phát nguyên, không nói theo con đường toán- học, vật lý thông-truyền Hi-lạp, với các nhà bác-học như các ông Kepler, Galilée,

Newton, để khuyên-hướng về khoa thực-học và sử-dụng vật-chất, mà trái lại khỏi thầy dùng ngay phương-pháp luận - lý mà thâm dò tâm-trí, thời không biết lý tưởng, tư-tưởng hiện đại sẽ ra thế nào ? Theo ý tiến-sinh, nếu có truyền ấy, tất nhiên là có một khoa sinh-vật chuyên khảo về sự sinh-hoạt, tnh-cách và phương-pháp hoàn-toàn khác hẳn với phương-pháp, tnh-cách khoa sinh vật học ta hiện có. Khoa sinh vật học ấy lý tưởng sẽ mở màn dưới những trang-thời hữu hình của các giống sinh vật đã trung-lâm cái năng-lực vô hình tiềm-lặng ở đó. Lý tưởng sẽ phát sinh ra một khoa y-học chuyên trị các trạng-thái bất toàn của sức sinh-hoạt. Nhưng nếu vậy, biết đâu lại chẳng là chuyện thả mỗi bất bóng. Ta sẽ không có được như ngày nay trị minh-bạch, thiết-thực, tinh tảo kiểm-soát, dẫn chứng và thời hay phân biệt cái có thể cái có lẽ với cái có thực là những cái sẽ được quí-báu quí, ta chẳng còn bận não mà tiếc một sự quyết đoán đã đem lại cho ta những cái kết quả tốt đẹp như thế nữa... »

III Nhà diễn-thuyết (tiếp theo)

Dù sao, diễn-thuyết bằng tiếng Pháp như thế cũng chỉ có thể có ích cho một thiểu số người Việt-nam, một thiểu số may mắn theo kịp phong trào mới, nghe và hiểu được chữ Lang-xa. Và chẳng, có nhiều vấn-đề đem bàn không cần thiết cho người Pháp lắm, nói bằng tiếng Pháp không lợi gì ; Nguyễn-văn-Vinh tổ-chức những cuộc nói chuyện bằng tiếng Nam để trực-tiếp với đại chúng và những cuộc nói chuyện này càng nhiều hơn những cuộc nói chuyện bằng tiếng Pháp.

Một số nhiều những bài diễn văn sau đây đều đem đăng tải ở trong *Đông-dương tạp-chí*. Xem lại thì những ý-tưởng của những nhà bút - thiết bấy giờ cũng chẳng hơn gì những ý tưởng của Nguyễn văn Vinh lúc bấy giờ. Như bài diễn-thuyết về việc học mà chúng tôi xin trích lại dưới đây một đoạn :

« ... Học để mà học, chứ không phải là học để làm quen, thì nước Nam ta thực hiếm. Có

một vài ông là vào học học cho lấy hay, lấy nghiệp gõ đầu trẻ làm cái vinh hạnh nhất trong thiên hạ, nhưng chẳng qua điể nghề học là nghề nhàn, dạy đàn trẻ cũng chỉ muốn cho nó như mình mà thôi, hai nửa là trong gia thực gây nên được mấy thầy cô thầy tá, về sau có ai làm nên quan tía thì mình cũng như sáo cái nghĩa học trò phải đối ơn thầy mà thôi suốt đời, mà chắc không phải khôn khéo, đã có lẽ học trò phải tư gia. Còn như học để làm lấy điều hay cho xã-hội, học để tra-khảo họ-hoa cho tạo-hóa có điều gì bi niếm phải sưng ra cho nhân loại (thêm kiến thức; mà để cách sống ở đời cho thân sung sướng, bít tật bệnh, hết khổ não, thì cái học ấy ở nước Nam ta không có ai. Mỗi người đi học, là thiệt cho việc dân lao chung một người. Về việc học của mình có công hiệu, số đã dạy dạy cho thiên-hạ thì mới thực là đáng được trả cái khó học được, chứ người đi học mà không hay được việc gì, thì thực là ăn lương cơm mặc lương áo của xã-hội. Nói bằng lại thì trong nước Nam ta cũng mất nhất chỉ có người làm ruộng, người làm ruộng ở Bắc kỳ với Trung-kỳ mà thôi, nhưng mà tự ăn mất ấy, nhà làm ruộng không biết lấy làm vinh hạnh. Tay cầm cày mà mắt vẫn trông học đại lương vốn dĩ, lúc nào quên được cái cày có ích mà cầm lấy cái bút lông thỏ vẽ hươu vẽ vượn, tả cảnh trỉa gặt dãi bĩa, thì cũng quáng đi ngay. Người đi buôn, người làm thợ thì lúc nào bít tức đi phải với cái bút vẽ. Đến khi anh cái hàng, cái dục, cái kim cái chỉ, mà có đồng dư, thì đi lo ngay cái hàn cái bát chỉ chi, nghĩ nhà giao cho lũ đầy tớ không thêm làm nữa. Còn nhà nho thì khổ học, gia công đến rách, cũng chẳng qua có lấy đôi hia cái lòng, khi đã được rồi như người được cầu thần chưa mở cái cửa công đường. Làm quan chức nghĩa xưa không đáng đầu đến nữa, thì cái cần lao đó có gì là đến lâu hũa được không ? Vậy thì nên kẻ rằng người An-nam, thực có nổi tiếng nặng, chịn kẻ; nhưng mà cái nổi ấy nên khiến cho nó có nghĩa lý, có ích lợi cho đời, mà phải biết quí cái tiếng nặng, chứ đừng có cho là một cái tội để dành cho kẻ kém dâm dâm mà thôi. »

(con lập)
VÔ BẢNG

NHÀ XUẤT BẢN
BÁCH-VIỆT
In những sách giá trị mang dấu
hiệu một nghệ - thuật tiên - b

ĐÃ CÓ BẢN:
**Chuyện
HÀ - NỘI**
của VŨ NGỌC PHAN
Mười tiết kỷ công mướn mặt của chính.
Hanoi kinh kỳ hãy đọc chuyện HÀ - NỘI
Mỗi cuốn giá \$2.00 (bản quỳ 15\$)

SẮP CÓ BẢN:
Xóm Giếng ngày xưa
của TÔ HOÀI
- Một một tình cây đung của một thiếu
niên nghèo.
- Một câu truyện làm sự nỗ năng, đau
thương vô ngần của một thời trẻ tuổi
nghe.
- Những hàng chữ tâm huyết gửi cho
Sách bạn trẻ của bốn phương đất nước.
In cực đẹp trên khổ giấy 18 x 24.

ĐƯƠNG IN:
NHÀ QUÊ
tên thuyết đại đầu tiên của Ngọc GIAO
NHỮNG NGÀY THƠ ẤU
tên truyện của Nguyễn HỒNG
XÓM AO SEN
tên thuyết của TÔ HOÀI
NGHỆ KHUÊ
tên thuyết của Mạnh phú TU

Thư và mandat xin để cho:
M. PHÙNG VĂN HỢP
40, Rue du Calvire - Hanoi

Một tháng với những kẻ tìm vàng

Nguyên-văn bằng Pháp-văn của NG. VĂN VINH
Bản dịch quốc-văn của LÊ VĂN HÒE

(Tiếp theo kỳ trước)

Sáng dậy, tôi chạm trán với một người Âu, coi vẻ quê mùa cục cựa không ai muốn làm thân. Bữa ăn lót dạ chúng tôi ngồi chung bàn ; vì trong hàng cơm chỉ có một cái bàn vừa dùng làm bàn ăn vừa dùng làm bàn tiếp khách. Chúng tôi làm quen. Ông ta là một nhà thực-dân, không có đồn-diễn, không có tề-lực, lập nghiệp ở phía Lao-bảo đã chục năm nay, cách đường thuộc-địa độ 20 cây số.

Ông ta trông trọt vài mẫu tây đất thung-lũng, có một bà vợ người bản-thổ và một bọn tôi tớ chẳng lấy gì làm đông giúp việc ông. Ông đòi sản-vật cho người Lào lấy trâu bò, và thân đem trâu bò ra Huế hay Tourane bán để người ta xuất-cảng. Chuyển cuối cùng, ông vừa đem bán 70 con trâu ở Tourane về, mỗi con giá 13\$. Đối với một nhà đại thực-dân, đó chỉ là một việc xoàng. Nhưng đối với một người Pháp tự nguyện sống cái đời quê-mùa ở nơi thâm sơn cùng cốc nước Nam, trông-trọt có năm mẫu ruộng, ông nói thế, thì đó là một sản-nghiệp. Mỗi năm được chừng nấy ông cũng lấy làm vừa lòng rồi.

Hơn cả những đồn-diễn bát ngát hiện đang chịu ách kinh-tế khủng-hoảng, và với đồng-bào ta cho các đồn-diễn đó chỉ sống và thịnh-vượng được bằng sự giúp đỡ của chánh-phủ, tức là chỉ những người Âu giàu lớn và có thế-lực lớn là làm được thôi, hơn cả những nơi đó, ở đây, một cụ-bình Pháp xoàng mẫn khờ ở thuộc-địa đã cho người nhà quê nước ta một bài học rất hay về năng-lực hoạt-dộng nơi đồng ruộng. Giá nước Pháp phái sang ta hàng trăm hàng ngàn những nhà tiêu thực dân hạng ấy để biểu-thị cho ta những

năng-lực kinh-tế vừa tầm ta thì hay biết bao!

Tôi nói khi dài về cuộc gặp-gỡ tình-cờ này, vì tôi nghĩ thầm rằng chẳng ngày nay thì ngày khác thế nào chúng tôi cũng sẽ lại tìm người này trên con đường mạo-hiểm.

Được biết những điều dự-linh của chúng tôi, ông B. — tên ông như thế — bảo tôi rằng :

— Vàng ư! Tôi sẽ cho ông coi những chỗ người ta đãi được những hột vàng to bằng hột đậu. Và cần gì phải đi vào tận rừng rú Ai-lao để đãi vàng. Ở nước Nam nhiều chỗ có, có lẽ cũng ở xa những nước không độc. Hoài của giá tôi đi được ông bạn người Pháp của ông, thì tôi dẫn ông đến chỗ tôi thấy có vàng để xem cái cách lấy vàng của ông ta kết quả ra sao.

Vì rằng, với những cách-thức đãi vàng của người bản-xứ hay của người Âu, tôi cũng không thích khai mỏ vàng bằng khai khẩn những ruộng đất phi-nhiều mà nước Nam ông nơi nào cũng sâu, nước ông nay thành ra nước tôi. Cuộc khinh-hoảng kinh-tế không có, đối với những người chỉ cần làm ruộng để sống. Bán 18 đồng hay 50 đồng một con trâu như hồi trước kia hóa-hàng đặt gấp ba, điều đó đối với tôi chẳng quan-hệ gì. Tôi chỉ cốt có trâu bán là được rồi. Để còn có nơi cần đến trâu bò, là bao giờ cũng kiếm được lãi, ít hay nhiều. Và ngày nào người ta không chịu mua của tôi theo giá phải chăng, thì tôi sẽ bán gạo, bán thóc hoặc thức khác.

Tôi khen phục cái tình lệ-quan của nhà tiêu thực-dân an phận thủ thường đó. Ông trở về khu đồn-diễn nhỏ của ông — khu này thuộc quyền sở-hữu của ông do luật

tiền-dào — hẹn chúng tôi hôm nào đến chơi với ông, và hứa sẽ có dịp đi tìm chúng tôi, tại nơi ông tưởng chúng tôi sẽ tới làm việc. Vì, ông hiểu rõ xứ này như cái túi của ông, và nói chuyện về một cuộc đi bộ qua rừng qua núi dài một vài trăm cây số, như người thành-thị chúng ta nói chuyện đi thăm bạn ở Thái-hà ấp hay Gia-lâm.

Hôm ấy ông X tới, ăn bận y như ngày tôi thấy ông ở sân trại ông X. trước hôm tôi từ-biệt Hanoi.

Đi xe hơi từ Hanoi tới Đông-hà như ông X kể đã là một việc hào-hùng. Máy móc trong tay một nhà máy-móc như ông X sau bao nhiêu năm vẫn còn tốt nguyên thật, nhưng bánh xe thì không được thế. Bánh xe mòn đã gần tới vải, mà xe lại không có bánh dự phòng. Trại lái, lại phải chạy cả sáu bánh một lúc, tính cả hai bánh của cái xe « đeo » sau. Từ Hanoi tới Đông-hà, bánh xe nổ vỡ bảy chỗ, mà đều do người cầm lái sửa lấy cả. Tới nơi, mất cả đinh ốc và « bù lông » hoặc còn mà chỉ

chưa rơi, vì xe chở nặng. Được một nhà chữa xe ở đó giúp sức, trong vài tiếng đồng hồ, xe đã sửa chữa lại y nguyên.

24 giờ nghỉ-ngơi để ông bạn tôi quên những lúc chờ chờ mỏi, để và bảy chỗ bánh nổ, quá trưa ngày hôm sau, chúng tôi đã sẵn-sàng để xông-phá những quãng đường trường xứ Lào, nên liệp máy giữa đường thì thiếu thốn hết.

Trên đường Loisy

Đó là tên gọi con đường thuộc-địa số 9 đi từ Đông-hà tới Savannakhet, qua Tchépone.

Một lễ khác nữa khiến tôi nghĩ nhớ tới nhà kỹ-sư hoạt-dộng đã làm cho ta con đường thứ nhì vào xứ Lào, tính theo thứ tự niên-lịch.

Càng bạn đồng-nghiệp quá cố là ông Cucherousset, hồi cuối năm 1921, tôi đã thăm khúc đường đó, hồi ấy tính từ Đông-hà, chưa làm được quá 25 cây số.

Bấy giờ, ông Loisy lập xưởng tại Cam-lô, ở chỗ cây số 14, là chỗ ông đã niệm-nữ tiếp đãi chúng tôi. Tôi vừa mới lại thăm ông ở Savannakhet. Ông cấp sửa về hưu, sau 15 năm tận-tụy vào con đường dài 340 cây số ngày nay đã hoàn-thành, ông chỉ còn tiếc rằng chưa làm được cái cầu si-măng cốt sắt để thay vào cái cầu sắt kiểu Eiffel ở Tchépone. Nhưng cái cầu sắt này, sản làm bằng gỗ, cũng như hết thứ cái gì do ông hưng công, vững-chắc lắm và còn có thể dùng trong chừng vài chục năm nữa.

Đi quá Cam-Lô, tôi lại thấy cái cây thân thân mà ông Loisy đã kể chuyện con-ghe, duy giầy-phong-lan lớn trước leo quanh cây thì bảy giờ mới; và thân cây không còn những lối móng cạp mới nguyên như sáng sáng người ta thấy hồi năm 1921. Ngay nay người đi lại luôn luôn, những loại thú thân không còn đem đến đến nhay múa như xưa nữa. Cái làng Khaleu nhỏ ở dưới chân đồi này cũng biến mất. Chỗ đó nay là một làng An-nam, có ruộng lúa xanh xanh bao bọc. Công-cuộc thực dân An-nam tiến-bộ trông

TAM-KỶ THU-XÃ
M. Trần đình KHẢI
64, AMIRAL SERES — HANOI

ĐÃ BÁN
NHỮNG NGƯỜI
Đi ngược giòng
của TRẦN BÌNH KHẢI

— Ai đã có những ý tưởng không thường, những cuộc đời ngang ngược, không thể bỏ qua không đọc « Những người đi ngược giòng » đó tìm hiểu tâm lý của chính mình được phân tích và phổ bày một cách lý-mỹ, sinh động.

— Một thể văn đặc-liệt và lạ lùng mà từ xưa đến nay chưa một nhà văn nào viết đến.

GIÁ 2p.00

Mơ Tú Tàn của CHU THIÊN
2p.50

SÁCH XANH

TRẦN LỬA	Huy-Bích 0535
CÓ MÊ CHÂN VỊT	Thế-Thủy 0530
CHỨC ĐÈN RA NGỌN	Huyền Nga

Cuộc Quê-gia cách mệnh đương tiền hành, chúng ta đứng nên trả trả

thấy. Nhiều người nói công-ước dè không ra gì, nhưng kết quả chứng cho sự tiến bộ. Người ta trách đồng-bào ta đã dùng mưu-mẹo để chiếm chỗ của dân sơn cước, khi họ đã phá rừng và bạt phẳng núi non, đáng lẽ ta phải chỉnh-khúc quyền lợi bằng sự phát-minh và công-ước khai khẩn mới phải. Người Nam ta dùng cách cho vay mượn, đặt tiền trước, bán chịu, tính lãi rất cao. Con nợ không biết tính toán và lo xa, cứ thế rồi để bóc-lột mất hết ruộng đất, khi ruộng đất đã có giá. Như vậy đồng-bào ta hà-tiện được cái công-việc vất-vả nhất là việc khai-thác mà đặt tay lên những ruộng đất đã cây-cây sẵn rồi. Cách ấy tuy không hợp với chủ nghĩa tình-cảm của người Pháp song đối với cái bản-năng thực-triễn của ta bao giờ cũng cần một khu đất trống-trọt làm căn-bản để có thể mở mang thêm ra sau này. thì cách đó cũng là phải. Còn như người Khalen, người Mọi hay người Lào thì không biết làm làm vết dầu.

Tại cây số 25, là chỗ tận cùng của con đường hồi ấy, nếu tet nhớ đúng, thì bấy giờ có một cái động nhỏ gọi là động Bạch-Hổ, nay không thấy còn.

Con đường sau này đã vẽ lại chẳng? Song le, ông Cucherousset và tôi hồi ấy đã chụp ảnh, tôi vẫn còn giữ được một tấm. Rồi con đường men theo dòng một con sông đẹp, tôi đi Lao-Bảo. Tại đây những đồn-diễn cà-phê liên-tiếp nhau thẳng cánh có bay.

Tại cây số 81, có một con đường nhỏ đi tới nhà Lao, làm trên một giải cao nguyên người ta bảo rằng nước đổ vào

có lẽ là ngoa-ngôn. Mỗi nhin, thì giải cao nguyên đó, không có cây cối, ở chỗ cao, coi đẹp như một nơi nghỉ mát và đất coi tốt hơn nơi khác, giả trồng rau và hoa quả thì chắc tốt.

Cách Lao-Bảo 40 cây số, sau khi vượt đèo, thì tới Tchépone là lý-sở một đại lý thuộc tỉnh Savannakhet có con đường nhỏ đi vào. Đó là một làng vừa nhỏ vừa hiền từ, lập trên bờ sông Tchépone là sông nhánh sông Sé-bang-hien nên lấy tên sông mà đặt tên. Bên kia sông là dãy núi Pou-Ta-Pang, đỉnh cao 539 thước. Ngày chúng tôi tới nơi, nhờ được không khí trong sáng là thường núi hiện ra rõ và lạ, chính người ở lâu năm ở đây cũng nói rằng không thấy núi như thế bao giờ, vì sương mù bao phủ quanh năm che lấp hết cả phong cảnh núi.

Đến gần tới đỉnh núi, độ 4 phần năm bề cao, chúng tôi tưởng thấy một giải đất phẳng trơng cây cối. Có lẽ người ta sẽ bảo đó là một khu vườn lớn giữa nơi rừng-rú, xa xa phía sau có một dãy đỉnh chửa làm theo kiểu Việt-Hoa, khiến người ta nghĩ đến cảnh núi Sài-sơn hay Hương-tích ở Bắc-kỳ, nhưng vì đại hơn nhiều lắm. Xem xét kỹ mới biết rằng mình lầm, và đều có ống nhôm đem theo vào này, thì sự thật sẽ hiện ra là một chỗ núi lở đất nhô ra, cây cối mọc suốt chiều dài, đầu từ mấy thước. Nóc đỉnh chửa là những đợt đá vôi trắng, phía trên có lượt đá đỏ màu gạch giả. Sở dĩ tôi ghi cái huyền-cảm đó ra đây là vì rằng đối với người Nam bị đầy trong cái xã hoang-vu này, cái huyền-cảm đó khiến gọi những kỷ-niệm của quê-hương xứ sở, của những cuộc trải chửa trải hội lễ hội sau ngày Tết, của những cảnh-tri thân-yêu, ở giữa nơi núi non mơ mộng.

(còn tiếp)

DẤU CỬ

Kéo co

Trời hơi mưa phùn rất nhẹ hột. Cái cảnh mưa bay ấy như từng về thăm tuổi của các thiếu nữ đi xem hội thường xuân. Một vài luồng gió nhẹ làm bay tạt và tung những đôi giầy yếm lụa mờ mờ của các cô. Như về thăm thơ, các cô nấp sau các bà cô, bà mẹ để xem hội: như vậy vừa tránh được những hột trai làng trông ghẹo, vừa đỡ bị chen.

Đình làng Tích-sơn đứng đồ sộ ở giữa ruộng. Bên cạnh đình chỉ có vài cây nứa, khiến đình có một vẻ hùng tráng. Trước đình là một khoảng sân đất rộng. Ở đây dân hai giáp sẽ cùng nhau dự cuộc kéo co.

Hội làng Tích-sơn hàng năm mở vào ngày mừng ba tháng giêng. Lũng ở sát cánh ngay với tỉnh lý Vĩnh-yên, và cũng không xa huyện lý Tam-đương là mấy cho nên ngày hội những khách hiếu kỳ ở huyện và ở tỉnh về xem đến đông. Hội có cuộc thi cờ (1), có chèo lộn, có giết gà thờ (2) và lại có cả kéo co. Các trò vui đều được khách thập phương thưởng ngoạn và riêng cuộc kéo co được anh em trong làng rất hoan nghênh.

Làng chia làm hai giáp. Hàng năm trong cuộc kéo co, con trai trong hai giáp ra cùng nhau kéo luôn ba cuộc để phân hơn thua. Giáp nào

được luôn hai cuộc là giáp ấy được.

Bây giờ đông dân chầm com thì xong, và cuộc giết gà thờ cũng vừa hết. Mấy hồi trống liên liên kéo tất cả các anh em con trai trong làng từ đình ra nơi sân đất trước cửa đình.

Mặc trời mưa bụi, mặc gió xuân còn dướn cái rét của đông vừa qua, anh em cũng nhau hăng hái cội trên tràng trực nhảy xuống dưới sân đình. Họ gọi nhau ơi ới, họ reo hò ầm ĩ. Anh nọ tựa vào lưng anh kia cho đỡ lạnh.

Theo với họ, khách đi xem cũng ã ã tự trong đình ra sân. Các cô thiếu nữ trong làng cũng hết về thăm thơ của lúc mới đến hội. Các cô bám nhau cười khúc khích và chỉ chỗ những anh con trai đang nhảy chân sáo và cười vui ở dưới sân đình.

Khách thập phương muốn xem kéo co đứng sang hai

bên bờ sân. Cũng không ai được đứng trước mé cửa đình hay ở phía kia sân trông thẳng vào đình. Nếu ai không nghe sẽ bị đàn làng họ trừng phạt bằng cách « húc bò » (3) nghĩa là húc cho tung người lên. Và cũng cấm không ai được chụp ảnh cuộc kéo co, mà dân làng hàng năm phải diễn lại là cốt để cho đức Thượng-Đấng ngài minh chứng mà phê hộ cho dân làng được bình an vui vẻ.

Thuận là con trai làng Tích-sơn. Năm nay chàng mười tám. Chàng cũng được dự cuộc kéo co của làng. Chàng cũng đang là anh em trong hàng giáp cội trên tràng nhót ở dưới sân. Chàng có tay lầy gân. Chàng có vẻ, sung sướng vì thấy mình khỏe mạnh. Chàng nhia về mé bên đình, chàng lại nhìn về bên mình. Thấy người bên giáp kia có vẻ đông hơn chàng hơi ngại ngại cho giáp mình. Vẫn hay rằng đây chỉ là cuộc mua vui thôi thôi, được thua nào có làm gì, nhưng dù sao thì được vẫn hơn thua, nhất khi có hàng mấy trăm con người chứng kiến sự thắng trận của mình.

Thuận gọi Lý là người càng giáp cũng gọi là « Anh bác ». « Anh Lý kia, bạn, kia chúng nó đông quá, không khéo ta thua mất ». Lý đang khua chân múa tay, miệng nói Thuận một đề ý đến sự chênh lệch về



Brillantine CRISAL pure vaseline. En vente partout

Có một đồng bạc mà muốn làm giàu nhanh chóng và lương-thiện thì chỉ có cách là: MUA VÉ XỔ SỐ ĐỒNG-PAI

Bước xuống sân, Lý-Thuận xô chân vào đôi giày he nằm chơ dưới bậc tam cấp, rón-rén đi ra, cái đầu rất thấp khi qua trước công-đường. Khi nhấc chân, ông bực chặc cái ở vào nấc, vạch tú lấy tờ sớ ra đọc lại lần nữa, sợ rằng lúc ở phòng giấy, vì bối-rối trước mặt cụ đề và các thầy thông nhất thông thì xem không được rõ-ràng, mình-bạc chẳng. Nhưng không! Vẫn chừng ấy chữ, nghĩa lý rành-rành ra đó, lăm vào chỗ quái nào được nữa. Ông bực-rạ xếp tờ giấy nhét vào túi, chống ô đánh rột một cái, vác lên vai, đều đều lê gót giày lẹp-kẹp trên đường nhựa. Một mối ghen ghét vô lý chiếm đoạt lòng ông, mối ghen-ghét đối với Thân, người đã trở trung-thành vẫn được ông yêu-đấu. Được tin mừng này, đáng ra ông phải mừng, ông phải sung-sướng mới hợp lẽ. Ấy thế mà ông lại bực-bực, ông bực-tức, ông cừu-nhân. « Hừ, cái thằng như rùa mà được như ri thì thật là quá đáng, không có trời đất mỗ nữa! »

Thân là thằng mỗ của làng Bèo. Vừa giêng cùng đình nghèo rớt mồng tơi mà lại mỗ-côi cha mẹ quá sớm, hẳn không cho cái nghề ấy là đáng. Bởi vậy khi mất mẹ đi Hoắc khuất đi, hẳn mang trầu cau ra xin, các cụ cho thế chân ngay, và được mần ngay một cách dễ-dàng. Và từ đó, đã ngoài 10 năm nay, người ta thường thấy hẳn lủi-thủi trên những con đường khuất-khuất, quanh-co, nhiều khi bùn-lầy, bùn-thu, tay gõ mõ miệng rao làng. Hẳn rao rõ ràng, dứt

THAY BƯC DỒI NGÔI

Truyện ngắn của LÊ TAM-KÍNH

khoát, không nuốt chữ nào, và như một học-sinh wu-bạng trong giờ tập-đọc, biết làm nổi những đoạn quan-hệ bằng thứ giọng dài và to, thắm-thía vào tận hang cùng ngõ hẻm, khiến gần xa, già trẻ ai cũng nghe thủng mục-đích của cuộc hội-hợp sắp có. Hẳn thân-trọng nhất và cổ gò giọng cho đôi-dào nhất trong chòm cụ Tú, cụ Chánh, cụ Cửu, vì đây là những bực tai to mặt lớn trong làng mà lại hơi nặng tai.

Hắn khôn-khéo lắm, mềm mỏng, lễ phép, cặn-thận, siêng-năng, và cũng biết liêm-si, không lấy tiếng là mỗ, mà dám hẳn dám hẳn. Trải qua bốn đời lý-trưởng, hẳn chưa bị ai mắng-mo nặng lời, được họ coi ngang với đây tờ tay chân trong nhà. Các cụ cũng vẫn đem lòng thương-xót hẳn, thường sai-sứ hẳn và đỡ trả công khó nhọc, thường cấp khen, gạo tẻ mồng khi hẳn dứt bữa lễ rồi, và cho ăn uống trong những ngày giỗ ngày Tết. Dân làng chắc ít ai được ăn nhiều xôi-thịt bằng hẳn, vì trừ những hôm việc làng, những ngày kỵ-lạp ở nhà các cụ, lại còn những đám cưới, những đám ma xảy ra quanh năm trong làng. Hẳn tới giúp việc, đánh một bụng thẳng da rồi ợt phần về cho con, cho vợ. Nhiều dân nghèo đã đem lòng ngắm-ngắm ghen-tị hẳn tay ngoài mặt ra vẻ khinh-bĩ, chê-bại

hắn đồ-hèn nhưng ở thắm-tam vẫn nuôi một thêm thường thâm kín: « Cái thằng cha nó mà tốt số, công việc thì nhẹ-nhàng, mà

bằng-lộc nhiều, miếng ăn lút mặt ».

Không kể miếng ăn, hẳn lại còn nguồn lợi khác. Làng có cái chợ nhỏ gọi là chợ

Hôm, lẹp cạnh đình-trung, dưới bóng cây đa cổ-thụ, và kéo dài ra hai bên vệ đường, trống trải, không lều, không quán. Những bó rau măng, rau cần mới hái ở ao lên phố sắc xanh mơn-mơn, bên những mủng gạo đỏ, những thúng khoai nẫu, những chậu nước, những mẹt cá trích, cá thèn, cá lươn trơn, ở ra từ hôm qua, hôm kia ở chợ Nổi, chợ Huyện. Thỉnh-thoảng người ta lại thấy những ôi cá bỗng mụn đen sì-sì, nhảy chồm-chồm của các cụ Thạch-động làm lòi, những mớ tôm bạc rậm rừu và những con cua gạch trời gó lại, nằm phơi-yếm của các cụ Thành-dạ đeo thệp ác lộng-thông trước ngực. Và về mùa hè bên những mủng sấm tím bọng, những mủng mướp da than, các ả Phú-mỹ lại hiển trẻ lang những quả thị béo-nung núc, vàng khè khè. Đó là nơi mà chiến chiến về khoảng bốn giờ, thôn dân tới mua các món vật lặt, cần thiết trong bữa ăn buổi tối, tay không, hoặc cấp cái rô cháo, cái mủng vịnh, có cái gòn hay tấm lá chuối che trên. Và đối với Thân, đó là một món lợi tay không to-tát gì, nhưng không bao giờ cạn. Chợ nhỏ, thuê mà không được mấy đồng, không phải nộp quan, nên từ xưa, làng vẫn cho mỗ Thân lấy mà ăn để gánh vác việc làng cho chu đáo.

Đều quả cái khăn mỗ riu nâu, tay xách cái chạc giang

cột, Thân thông thả đi xen vào giữa đám người mua, thỉnh-thoảng dừng chân trước một mụ lúi người to-bỏ sau mẹt hàng, cúi xuống chĩa tay ra, nói: « Thuê, thuê! » Không hề hấn nhấc lại nhiều lần, những đồng tiền được mớ ra khỏi bọc, giựt ra khỏi lòi, và được dựng lên giữa những ngón tay nạc môi cá, mùi tôm, mùi rau. Hẳn nhất tưng đồng, chuỗi lều vào chạc giang, và khi đã đi xuyên qua chợ, từ đông chí tây, hẳn xách tiền về nhà. Có ai gặp hẳn hỏi được nhiều hay ít hẳn không giấu giếm gì các tay lên bì-lì đập.

« Hi-hi, họ bèn chỉ, vài tiền cho mấy, đây nì ».

Món lợi nhỏ ấy, nhập vào những đồng-giao của hẳn, với số tiền về hẳn kiếm ra khiến gia-đình hẳn tránh khỏi sự đói khát quanh co.

Và đã sáu năm nay, từ ngày trường làng thành lập ở đình, vợ con hẳn lại thêm phần no-ấm. Trường gồm hai lớp, lều-tóc đảm chực học-trò, đặt dưới quyền giáo huấn của một hương-sư mà làng xuất tiền ra nuôi. Hội-đồng kỳ-mục đã nhóm loan ba phiên để bàn việc thuê một anh khản-trương mà chưa xong; làng nghèo, hàng tháng chạy được lương-bổng cho thầy giáo đã là hết sức, giới làng cũng chỉ đóng thêm được vài ba đồng nữa thôi. Thế mà những người kêu đến đòi ít nhất là một « công » mới khổ xẻ chứ! Hội-đồng lể đầu, đã nghĩ tới cách bắt học-trò thay nhau quét lấy trường, theo lối môn-sinh của các cụ ở xưa. Cụ Chánh phản-đối, không muốn



«Các cậu» con ba ba họ
mình xuống công việc ấy.
Trong lúc các cậu hồi rỗi, thì
Thần tiếp lên, gãi tai mấy cái
và rút ra thưa: «Bẩm, trên
có các cậu dưới các ông, các
thầy, con xin thưa một câu...»

— Cho nói:

— Dạ, không ai nhận, hay
là để con hầu làng nói thế ạ.

— Ủ, được vậy hay! Rứa
mì muốn mấy?

— Dạ, thưa làng, con không
điều, làng thường được phần
mò, con nhờ phần nó ạ.

Cụ Chánh vuốt râu.

— Thôi, xin làng cho bản
hàng đồng!

— Nhà rứa, hẳn đã ăn
hết thuốc cho, lẽ ra thì làm
không cho làng mới phải.

Phó Tiêm mạnh bạo phản
đáp: Cụ Chánh cười.

— Thấy phở nói cũng có
lý, nhưng cũng nên nói cho
tay cho bản nhò một chút,
bản nhò nhò với làng nhiều!

Thế là chàng mỗ lại kiểm
nhắc khán trường, ăn thêm
mỗi thúng ba đồng nữa. Hẳn
thăm chỉ hơn xưa, quét dọn
nhà trường đến nơi đến chốn,
và không sớ-những công
việc chính của mình, khiến
thầy giáo yên-miền, các cậu
vui lòng.

Tháng ba năm ngoái, quan

Đốc-học mới họ võ (tinh nhà,
nhân một ba di thừa tướng
huyện, ghé vào khám trường
làng. Gặp hôm thấy giáo
soạn bài kỹ lưỡng, nói năng
trời chảy, không lập-ứng
trong lúc giảng - giải, mà
trường học lại sạch tinh,
nữa không dính một mụn
giấy, sân không vương một
ngọn lá; ngài rất há-dạ,
khôn ngợi thầy giáo, và thấy
Thần chấp tay, cúi cổ đứng
trong xó, ngài hất hàm hỏi:

— Khán trường đó à?

— Bẩm quan lớn, khán
trường đó ạ.

— Làm việc đã lâu chưa?

Nhiều hương không?

— Dạ, bẩm bản làng đã
hơn sáu năm, lương tháng
ba đồng.

— Ít quá nhỉ, để rồi (ta xin
thêm cho. Làm việc lâu thế
đã được... hoàng ân chưa?

— Dạ bẩm chưa ạ. Tôi
nghe nói khám chỉ vài đồ bảo
quả ạ, con cũng định xin cho
cái cừu phẩm, nhưng chưa
có dịp ạ!

— Được, thầy làm cho bản
cái đơn, gửi vào đây rồi (ta
tư cho.

Quay lại phía Thần, ngài
tiếp.

— Anh khán làm việc giỏi
đấy, ta bằng lòng lắm, gắng

chăm-chì thêm, rồi (ta tăng
lương cho, và tư cho cái
cừu-phẩm.

— Dạ ạ...?

Nghe hề vớ, theo lời yêu-
cầu của quan Đốc, làng phải
trả Thần mỗi tháng một đồng
nữa; Hẳn hèn-hở về nhà
bỏ tin mừng cho vợ:

— Hờ hề, quan Đốc-học
nhân-đức thật, cho học-trò
tuổi ngài bữa cho xôi câu
chuyện, ai ngờ ngài nói thật.

— Ngài có hứa cho cừu-
phẩm phải hông?

— Phải.

— Bể nghe phong thanh
chỉ chưa?

— Hi, khoan nó thì đừng
có mong mà mới mất!

— Biết mò, «đã tin điều
trước ắt nhảm việc sau» mà
lại!

— Im đi, đừng ước mơ sáo
xa quá, hàng xóm biết chuyện
họ cười cho. Hồi đầu ra giữ
Vợ Thần họ giọng xuống,
thì thăm:

— Nè, rứa rồi ra mà ở vợ
cừu - phẩm thì có ích chi
hông?

— Rừng lại hông? Được
phần thừa, cổ biếu; ăn thịt
thịt.

— Hờ hề, sướng thật. Rứa
rồi có được thần thu cho
nữa không?

— Rõ dăm bải ông Chử mà
còn đi thần thu như thế
mới! Hồi đó hơn kém.

— Kệ, không được lấy thuế
thì miễn việc khác mà ừ.

Q

Về tới nhà, Lý Thuận cho
gọi ngay Thân sang, giận
răng:

— Mai họp làng sớm, thưa
với thầy giáo cho học-trò
nghe một buổi và đập mõ
rao làng lập-tức đi!

— Xin vâng ạ. Thưa thầy
rao thường ợ hay chỉ quan
viên, hào-lý thôi?

— Chỉ rao quan viên, hào-
lý thôi!

— Dạ. Họp làng bàn chuyện
chỉ rứa ợ?

— Hồi lời thôi mãi, bản
chuyện chỉ kể người ta, mất
mò chỉ anh mà anh hỏi!

Hắn im thin-thì, tung-
hương ra về, nghĩ bụng:

«Rằng bữa nọ lại trở-chúng,
gắt gỏng như mèo nạt rủa!
hi-hi, chắc cậu cậu bị quan
ngộ rồi đấy! Hay là lại
được ăn thịt chạch cũng
chưa biết chừng».

Ngồi đến đây, hẳn thình-
thịch đứng dậy, quên cả lời
mắng mới nhận được. Hẳn
lách-rèm, chui vào nhà, tới
đầu giường lấy mõ. Ấy là
một khúc sừng-cộc dài hai
gang, to bằng ống chân, hai
đầu nao-nao nhọn, và cong
cong như sừng trâu, giữa
khoét một cái miệng rộng
toang-hoác, gióng mõm chú
Tạ-ôn-Đình trong chuyện
tường Sơn-hạ. Hẳn khề-
nghe tiếng cái mõ, một cái dãi
trơn mặt bở ra, hẳn vụt nhớ
tới câu đố-ngộ của trẻ:

«Con đập mõ khốc lu loa.
«Đến khi làng ra, con sẽ
động mõ»

Hắn thồm khèn các-dó tại
tỉnh, phi cưỡi một mình, rồi
giơ cao tay phải gõ dài lên
thành mõ. Tiếng cốc - cốc
vang lên, đầu khốn, sau
nhặt, rồi tắt ngấm, nhường
chỗ cho lời rao trong trời,
và vui tươi, dõ dạc và dài
làng...àng...àng thuyet như
một hồi còi nhà máy:

«Chàng làng ông-àng, mời
quan viên, phụ-lão, dân-cụ
hào-lý, sáng mai ra đình-
trần hội-hợp...»

— Họp làng bàn chuyện
chỉ rứa Thần?

Cụ Chử từ sân hỏi với ra.

— Trình cụ, con cũng
không biết ạ.

— Rằng không hỏi thầy lý?

— Chàng cụ, con hỏi,
sông thầy gặt, biểu là hỏi tò
mò ạ.

— Hờ, hỏi tò mò! Chuyện
chỉ kể người ta mà hỏi!

Sáng tinh sương hôm sau,
có bốn trai út của bốn xóm
giúp sức, Hẳn xếp tay bưng
ghế ở đình vào một góc, kéo
mấy hộ phần xếp xó ra bày
ba giấy, phủ lên giòng giữa
một lớp chiếu hoa cạp diều,
rồi đi mời các cụ tại mặt.

Các cụ lục tục kéo tới,
khấp-khểnh chống gậy trúc
hóa long, hoặc cầm quạt
«đánh chó». Cụ Tú còn khỏe
mạnh nhắc rất gọn đôi giấy
cườm mà cậu cả mới tựa ở
tận trong kình, cụ Chánh
phì-nộn và chắc chắn,
ngực đeo ngân tiền
phần thưởng dính dăng

của tám năm làm việc
chuyên cần. Phó Thỉnh
tít mời các cụ an-vị, xới
trầu và dâng thuốc. Ở hai
giàn bên, các cổ lão dân-cụ,
và các hào-cụn ngồi chầu
chức nhau, rì rả nói chuyện
và nhò-vớ. Trái với thói
thường, Lý-trưởng tới sau
cùng, cúi chào quan viên,
phụ-lão, kính chào xin lỗi sự
chậm trễ của mình.

— Dạ, đã định đi từ sáng
thì vừa có câu lệnh lệ đư-
cải giấy quan sơ khấn,
phải sao ra bốn bản, chạy
bốn xóm ngay, để các cụ
chờ mãi!

— Việc chi mà khấn rứa?

— Dạ bẩm việc của con
đường xuống. Qayah - đôi
ngày mới, quan đã đi qua.

— Rứa ra họp làng vì
chuyện nó đó à?

— Bẩm không ạ, vì chuyện
khác ạ.

Thầy Lý, nhia quanh, gọi
mỗ lại đưa cho hầu mấy tờ
giấy, hỏi:

— Thân, chạy mấy bản
sơ ni cho xeo thủ bốn xóm
nhà!

Thần ngoan-ngôn vâng
lời, và hai bản đã khấn xong
bức tường báo học quanh
sân đình, lý-trưởng đứng
ngay người lại chấp tay
trước thần áo, ề-hóm mấy
tiếng, trịnh trọng thưa:

«Trình trên có các cụ
quan viên phụ-lão, dưới các
ông cụn, ông hương, số ừ
có cuộc họp làng bữa nọ, hi
vì tôi muốn trình làng việc
quan trọng...»

Ài nấy yên-lặng, trở mặt,
vênh tai nghe Lý Thuận
chậm rãi tiếp: «Cháu quan,
tôi nhận được giấy lệnh từ
về huyện, sớ... Thần được
cứu phẩm...»

SÁCH MÔI

Chính trị đại cương

của Nguyễn phương NAM
Một cuốn sách phân tích rõ ràng các phương
pháp lý chức chính trị.

Truyện dị thường

(Histoires extraordinaires)

của Edgar Poe - Bản dịch của Mộng - Huyền
Giá 4p50

TÂN VIỆT 29 LAMBLLOT HANOI

HÃY ĐỌC:

Nguyễn - văn - Siôn

của NG-NEU-THIỆP
và NGUYỄN-VĂN-ĐỀ

người mà vua Tự-Đức đã tỏ ra rất
tự phụ trong câu thơ:

«Văn như Siôn, Quét vô tiền Hán»

sắp phát HÀNH

VƯƠNG DƯƠNG MINH

của Phan văn Hùm

THƯỞNG CHẾ PÉTAIN BẢ MỖI:

«Họp sinh cảnh phần luyện tập
thần thì cho tráng kiện để
bày giờ để sức học hành,
mai hậu: đủ sức tham dự
vào việc cải tạo quốc gia».

— Ráng? mần ráng? Thấy nó tít? Ai được cứu phàm?
 Na ông em, hồi hồ nghi nời lều dận-dận ở giồng giữa, chỗ ngồi của các cụ hơi nặng tai, trong khi ở hai bên người ta nhào lên một loạt:
 — Rét á — Thát á — vô lý — Mần mớ mà được cứu phàm! vớ lý!

— Thán được của phàm không phải vì mần mớ, mà vì mần khăn trường-tên-âm đây nì, giấy sớ còn đây tới xin được.

Lý trưởng đọc chưa xong thì những bàn tay gần-guộc đã chìa ra na-từa. Cụ Tú vô được trước, và tay tở sức viết bằng quốc-ngữ xen vào một ít chữ tày, cụ cũng lật-đặt rất kinh, ngoác vào tai, cúi xuống. Thấy mấy cái đầu đỏ chói, cụ hoa mắt hồi:

- Án nì của ai!
- Dạ của cụ thượng ă.
- Nì của ai?
- Của cụ Huyện.

Cụ ngoạc-ngác buồng mánh giỡn, chười mòng tay dài vào chòm râu dài gãi cầm lên-miên suy-nghĩ, để mặc tờ giấy du lịch khắp đỉnh trâm những ngón tay run nhè, dưới những cặp mắt mờ to, và giữ những tiếng bàn-tan xôn-xao.

Gầm-lưỡng hững-hột dần tiến xem chừng đã dịn, lý Thuận lại lên tiếng:

— Bởi vậy, tôi mới đường đột nhóm lạng bên nì, định hỏi cao-biên của các cụ, coi thử mần xữ-tri-ra-ráng?

Cụ Huyện thở-dài:

— Mừ, còn biết xữ-tri-ra-ráng?

— Hừ, còn biết xữ-tri-ra-ráng nữa! Giấy quan đ

sức thì cứ theo đó mà thi hành; «tương» hân vô hạn chứ sao đi cho rồi, chứ còn phải hỏi chi nữa.

Cụ Chánh thủ thì:

— Tại cũng tại mần há-tiện, tiểu một tháng vài ba đồng bạc, cho hân mần khăn trường, mới nên nòng-nổi nì! Sx-tử đã rủa thì chịu rủa, thôi các cụ ă, đừng tức tới mần chi nữa, vô ích.

— Bầm cụ dạy rủa thì ra lạng ta chịu lép quá ă? Hươg Quế đứng dậy và giương cổ tở lời. Thưa các cụ, hân là mớ thì chịu phận mớ, mớ gì lại nhất-đầu nuẩy lên ngồi trên náo-lý, ngang hàng với các cụ! Phải mần giấy mà kêu mới được, không thì tức chết.

Một vài người bên cạnh muốn ủa bẻ chàng Hươg Quế nhúm dây định viên-lý thêm, thì một tiếng «Hừ» to nổi lên bên gian kia, thoắt ra tay chòm râu mép của cụ Đin, của Thán.

— Hừ! Án Hươg Quế to thật, dám cở gan cãi lại cụ Chánh, bác lịch quan trên, gọi óac... Chà của lạng bằng hân! Hừ ủa mớ ông chỉ trong lạng mà mớ to rủa, anh óac giới thì tiện cho đồ cái của phàm của... Cứu Thán đi rồi!

Vì quá tức giận, anh quá to, nủa cưa đi rồi, cổ đã óm ngừ: họ ă sạ, tở phều

phều, khiến cụ Tí, này giờ ngồi trâm tư mệ: tư ông, có dịp lên tiếng:

— Thôi, các ông, các cụ ă, việc quan phải theo giấy mực mà mần, cãi nhau cho rât cả cổ căng bằng thừa. Thấy lý có tương... ủa nờ lên hàng chức sã. Xôi ra, anh ta cũng dầy công với lạng, xứng đáng chức! Thấy liên chẹn cho lạng bằng mớ khác mà dùng cho hân kiếm chức khác - trường nữa. Thôi, xin mời các cụ, ta về!

Phó Chánh chen vào.

— Hừ mời các cụ ngồi rỏn, chờ... ông nó về hồi ý kiến, xem... ông có ưng nhận chức nò mà bỏ nghề mớ không đả?

— Về chuyện, còn phải hỏi hân chi nữa, giá anh được rủa, anh có ưng nhận không? Thôi ta về.

Họ lục tục kéo ra khỏi dinh, nhủ nhủ hân ủa và tìm nghĩa như bình tướng như hân sau chuỗi cợt nghiêng nước của Bao-Tự.

Q

Thắng Tỏ đã vào mớ đi rao lạng, giăng cở, rủa rỏ về. Án Chánh Cũ, châu gai cụ Tú bằng chẻ họ, đã nhận chức khác - trường với số lương nhỏ mọn bên dẽ mợ nghĩ, lòng chứa chan hi-vọng và tương - lai. Vả Thán đương hân - khuôn nạ có kiếm một ngàn thiên hợp với dận pháp mới! Chả lẽ ông Cũ lại đi làm thuê cuốc mướn. Thật là một viên đả khố giải quyết cho ông Cũ.

LÊ TAM-KÍNH

LÊ-VAN-KHOI

LỊCH-SỬ TIỂU-THUYẾT CỦA HỒNG-PHONG
 (Tiếp theo)

Tóm lại, ngoài thành Phiến-an như dưng lên một lớp thành mới bao bọc, mà lại cao hơn; đứng trên vách cao trông suốt vào trong thành, quân giặc cử-dộng gì đều thấy rõ rỏ.

Cong cuộc xây dựng của binh triều sỏ dĩ đến sáu tháng mới hoàn-hành, là vì ban đầu thường bị quân giặc thừa lúc đêm tối, lên ra đốt phá tại hại.

Lúc bên ngoài mới khởi công, Nguyễn-văn Trần đứng trên vọng-lâu dòm ra, trông thấy binh dân tập nập không tre vào đất, liền ngay là binh triều xếp dầy công cuộc, quyết kế phá thành. Trong ý Trần phép-phông lo sợ, nhưng không phải lo sợ mà chịu bộ tay chờ chết, chẳng có sức đối phó lại thế nào?

Một mặt, Trần đốc-sức thủ-hạ đào thêm hầm hố để dẫn lương-thực và thuốc đạn, sửa sang lại các chiến-lũy cho được kiên cố, tin dỏ hơn. Phàm các chỗ hiểm-yếu xem chừng bên địch dỏm dỏ nhất, Trần đều sai dỏng cử dỏi sỏng, hỏ-tri cách-thức phòng thủ khác trước. Nhất là từ cửa Tuyên-hóa vào đến đại-trại, hai bên đường có chỏn địa-lội và gài cạm lầy rất khéo; vì Trần đoán trước nay mai binh triều tiến công, tất là chủ trọng phá cửa Tuyên-hóa hơn cả, dù có lọt vào trong thành, cướp được đại-trại; cũng phải đánh dỏi máu thịt với một giá cực đắt.

Chỉ khổ cho rủa-ta-quân, là những việc phòng-thủ ấy toàn phải làm mớ mần ban đêm, vì sợ lờm bên ngày, bên ngoài có thể dòm thấy. Mà đêm khuya cũng không dám dùng lỏi đèn đuốc, họ hi-học làm mớ với nhau, gọi là ánh sáng chỉ có mấy ngỏi san nhập nháy ỏ không-trung chiếu xuống.

Một mặt khác, Trần kén chọn một bọn trai trẻ, nhanh nhẹn, dầm hy-sinh tính mạng, sai họ đêm khuya lên ra ngoài thành, gài địa-lội phá vỡ những pháo-dài và lũy đất của binh triều đang xây đắp dỏ

dang; hoặc dùng các vật dẫn-hỏa tưới dỏi những đồng tre gỗ chỏt cao như nủi.

Mỗi khi, thủ-đoan mạo - hiểm ấy làm xong, họ chạy trở về thành được cách bảy, nưa rỏi ra bị tã thì đánh vượn cỏ chịu chết.

Vì thế, trong mấy tháng dỏu, binh triều bắt ngỏ bị giặc dỏi phá vật-liệu và các cuộc kiến-hiến, tởn hại vô kể. Nhiều pháo-dài xây gần xong, bỗng dưng có tiếng nổ như sấm, dỏ ụp thành đồng gạch vụn. Không kể những đồng tre lá tự nhiên phát hỏa cháy ngỏn ngụt, không sao cứu chữa được. Có khi giữa ban ngày, quân giặc trá binh trường-dân, dĩnh-trang làm xôn, cỏ gan trá trỏn giữa đám đông, thì-hành thủ-đoan dỏt phá rồi nhanh chân trỏn thoát.

Nguyễn-Xuân tức mỉnh, phải nhiều cơ lạng ngày đêm canh phòng ra rỏi, bây giờ công-cuộc quân-sự mới yên ủa tạm tiếp được. Việc dỏn lạng xong vài tháng phải kéo dài đến nửa năm.

Qua tháng ba năm sau (năm Mùi) thành-trị Phiến-an bị vây chặt chỏ hơn: ngoài vòng vây bằng người, thêm vòng vây bằng sắt đá bao bọc tứ v, tướng chừng cơn rỏi muốn bay qua không lỏy.

Các tướng-sỏ định chắc Nguyễn-Xuân ra lệnh dỏng-công ngay, sau khi những pháo-dài và lũy-gạch dỏ xây dựng hoàn thành, nhưng ông lúc dỏu cười nỏ:

— Ôi! các người thèm nhậ mầu tuột thật sỏng lắm thử ư? Bị dỏu mà với! Ta để cho quân giặc dỏi meo với nhau dỏ, gió thổi dỏ ngã lỏn chiến, bấy giờ ta hỏ các người trở tãi, chỉ đánh một trận là xong. Hiện nay, tuy thế chưa phải lúc đánh!... Thong thả dỏm ba tháng nữa cỏ làm sao!

Sự thật, Nguyễn-Xuân dỏ cỏ thành toàn xếp dặt trong trỏ, quyết làm như người đánh bạc về sỏng, cỏ bao nhiêu tiền trong túi trỏt ra hết, chỉ đợi nước học là đánh bỏ

*Nguyen Binh Su
 chỉ dùng*
**fixateur
 ARISTO**

...tiếp. Nghĩ là ông muốn khua ca hai
hàng quân một lúc, quấy-lộn một trận
thắng với giặc. Hèn vì lúc này hơn một
vạn quân mới mộ còn đang luyện tập chưa
đủ thuần thục; và lại thời-tiết cũng chưa
đủ ráo, thuận tiện, cho nên ông nghĩ
không nên đánh vội.

Tay chưa đánh giặc bằng súng đạn gươm
dao, nhưng luôn từ mùa thu năm ngoái
đến giờ chẳng ngày nào ông quên đánh
giặc về mặt kinh-tế lương thực. Ta đã biết
chủ-tướng ghê gớm của vị danh tướng
ấy là cái hết lương đạo quân giặc cho đến
đốt đuôi rồng độc rồi sẽ đánh.

Trước kia, binh triều chưa dò biết được
mối mối của nghĩa-quân trong thành
Phiên-an, dù cho canh-phòng nghiêm nhặt
thế nào, họ cũng vẫn có cách đem lương
thực ở ngoài vào tiếp tế luôn luôn. Nhất là
đo cướp thấy. Ai không nghĩ trên sông
Sông có thủy-sư chiến-thuyền của Trần-
vân hằng cầm trại-vây đặc, tuần phòng
đêm ngày, thế thì nghĩa-quân còn dùng
đường thủy vận lương làm sao được? Ấy
thế mà họ vẫn bí mật chuyển được gạo,
lúa, mệm muối vào thành mỗi kỳ!

Vị đạo thám trên sông xuất hiện năm
mười chiếc thuyền - bản con-con, trên mỗi
chiếc chỉ có một người ngồi với đồ nghề
cần cù, áo cách nón mũ, trông rất tiêu tụy,
đều bầy-quân đi tuần phòng bất gặp, chắc
không thể nào tưởng tượng những người
ấy khác hơn là lũ dân nghèo ban đêm đi
sưu-tầm cầu cá kiếm ăn.

— Tuyên nào đi dân đấy?

— Bẩm, thuyền con đi cầu cá! Trăm lạng
thực-quân các cậu rộng lượng cho con nhà
nghèo đi tìm cá đổi cơm, tị nghiệp!

— Trên thuyền có chở gì thế, đưa khám
xem nào?

— Khôn nạn! Thuyền bằng gỗ mũi thò
mây, nài một mình còn lo trông tranh để
đắm, bảo chở đồ gian lận vào chỗ nào
kháng bất!... Thưa đây là cái giỏ... đây là
gạo... đây là gói cơm nắm, để đêm
khuya đổi thịt ăn!...

— Được rồi, nhưng phải đi nép vào mé
bờ, không được bơi chèo-ràng giữa sông
nhé!

Lát nữa tới chiếc thuyền khác, câu
chuyện ứng đối tra xé đại-khai cũng thế.

Thông-Chữ LYAUTEY đã nói: "Ta là một
sinh vật chỉ ưa hoạt động". Chúng ta
nên theo gương ngài.

Toàn là thuyền cá-ti-hon của hạng người
bần-cùng lam-lữ, nghe lính tuần thét bắt
thì sợ run lên, nói năng rất lễ phép và có
động van lơn, năn nỉ. Giá như lúc ấy có
chủ-linh tuần nẻo ngẫu-nhiên các-có, bảo
họ thả bơi thuyền đi mau xem nào, thì
nhiên họ phải chịu phép và chân-tướng họ
bại-lộ ngay.

Kỳ thật, họ chính là người bí-mật vận
lương cho giặc trong thành. Dời đi mỗi
con thuyền ti-hon ấy có buộc giây thông
ngâm dưới nước, mà đầu mỗi kia thì đeo
những vật nặng, hoặc một bao gạo, hoặc
một giỏ cá khô, bên ngoài họ: gói vải sơn,
nước không thấm ướt. Thuyền họ vào vị
đi cầu, chỉ cốt rình những học ỷ vào rạch
Thị-nghê, rồi mới giăng lưới nó ở một chỗ
đẹp hơn, chắc ắt có kẻ bơi tới tận tận
trong thành mò ra lấy, đem vào cho nghĩa-
quân.

Có lúc một vài chiếc thuyền vô chủ mà
xếp đầy vật-tực, đậu dưới bóng cây bần
um-um kín đáo ở tận bên kia sông, chờ
khi lính tuần vừa đi qua, một số người
về, mấy chiếc thuyền ỷ tự-nhiên chạy
qua bờ bên họ, vùn vụt như bay, mà không
có ai bơi chèo gì cả. Thì ra họ buộc giây
ngâm, có người mấp mé trên bờ đối-diện
chỉ đợi cơ hội là tấp "vượt sang".

Những manh mối q-ý-quyết đại-khai như
thế, cho mắt-thị-sư Trần-vân Năng được
một đống khá lớn.

Nhờ vậy mà trên hai nghìn nghĩa-quân
cố-hủ trong thành Phiên-an, tuy chẳng
được no nê sung-túc, nhưng vẫn thường
nhận lương-lộc của ông-chỉ bên ngoài
tiếp tế cho, không đến nỗi quá thiếu-
thốn. Mỗi người phải tập quen dạ-dây thun-
nhận vật-thực đi đi thì có, nhưng đến bắt
nó chứa trống-rỗng thì chưa. Một đoạn trên
chúng tôi đã nói: nghĩa-quân nương
nhựa chia phần với nhau, bữa nào nhắm
phải ai ra chiến-lũy thì được ăn no, lấy
trẻ mà chống giết, còn kẻ ở trại vui lòng
ăn ít, gọi là cầm hơi.

Song từ khi cái vòng sắt của Nguyễn-
Xuân bắt đầu vây học từ phía ngoài thành,

và các cơ-mun vận lương thuê nay lẫn hồi
bị khám phá chặn giữ hết, nghĩa-quân mỗi
ngày một lâm vào cảnh đói khát hẳn hoi.

Trông thấy mấy kho lương càng ngày
càng vơi vãi mà phương pháp bù đắp vào
không có, trên lo buồn hết sức. Muốn chi-
trị được lâu, thế tất anh em phải tự làm
chế sự ăn; từ tướng tá đến quân lính, hay
giờ rảnh rỗi ngày có một bữa và bữa có hai
lương cơm chấm muối.

Ái nấy nhờ có tinh-thần nâng đỡ, cho
nên cam chịu cảnh khổ với nhau. Có đến
đến gần mười người hết ba bốn, rồi
đến phần nửa, vì thiếu ăn mà đói sức,
phát bệnh. Số người liệt-như: nằm ngón
ngang trong trại.

Không kể lúc trước, chỉ nói từ cuối tháng
chạp năm Ngọ đến giữa tháng ba năm Mùi,
binh-sold của nghĩa-quân xóa tên Vĩnh về
hơn sáu trăm người, không phải chết vì
sùng đạo binh triều, mà chết vì gạo không
đủ no, ốm không có thuốc.

Tuy nhiên, người chết cũng giúp được
việc, là để phần ăn của mình lại cho kẻ
còn sống có thể giã-lăn mỗi bữa chút ít.
Tội nghiệp, muốn nổi sức thêm, mỗi người
bóc cả vỏ cây, đào cả rễ cỏ, làm mò bắt lấy
con chọt, con cóc, hay con rắn mà ăn, tóm
lại, vỏ được thứ gì có thể nuốt vào dạ-dạ
được thì nuốt, bất kể lạnh hay độc.

Cố Du, tức giáo-sĩ Marchand, là người
Tây-dương độc-nhất ở trong vòng vây, cũng
thì-nhiên chia sẻ tình cảnh khốn-đốn với
người bản-đạo.

Trong nghĩa-quân, có lẽ đến non nửa theo
đạo. Dù đôi ào yếu sức, Cổ vẫn giăng kinh
làm lễ, cầu rỗi phần hồn cho họ như thường.
Nhiều người khuyên Cổ đi ra, nhưng Cổ
không chịu.

— Cha nên lánh ra ngoài cuộc làm theo
nguyên nhân này! Họ nói: bất quá Triều-đình
ra lệnh trục-xuất, không cho cha ở trong
nước là cùng, không có gì thiệt hại tính-
mệnh mà lo.

— Không, Cha có sợ chết đâu. Song giữa
lúc các con khổ-sở như vậy, Cha hãy đi cầu
lấy sung sướng cho cha một miếng mà đánh
lòng được ư?

Cố ung-dung trả lời, rồi vui vẻ cầm chén
cơm chấm muối ăn, ngon lành không khác
mọi người.

Trong vòng vây, nhà tu-hành đạo đức ắt
được tôn kính như vị thần sống. Nhiều kẻ
bệnh tật, lèch cũng như dân, nhờ sự chăm
nom chỉ bảo của Cố mà được tái qua nạn
khỏi... Nhất là khi một người lính ở chỗ
lấy trúng đạn bị thương, dù là đêm khuya,
Cố cũng thân-hành đến trại, ra tay băng bó
và tìm cách điều-trị thương-lịch cho, bất-
chờ người ấy có đạo hay ngoại. Vì đó ng-
quân càng cảm-phục kính trọng, báo ơn
xin rửa tội theo đạo thêm đông.

Bước sang đầu tháng tư, trên ba chục
đất bao học thành Phiên-an đã đứng trơ-
cổng xong xuôi, Nguyễn-Xuân sai bốn trăm
tên một loạt, tiếng nổ ngũ rùng rùng, cố để
thị uy cho quân dân phản-nhật trong thành
biết rằng binh lực và khí giới triều-đình đã
đội như thế đấy, chớ có kháng cự dây dầm
vô ích.

Kể lại bản từ hiệu-dụ vào thành như
bướm-bướm, khuyên-nhủ bọn Trần nên tự
hối quá đầu hàng, thì triều-đình của chúng
chước tội lỗi cho, nên để nay mai Đại-binh
phải dùng sức, làm cho thành trì, bấy giờ ăm
nồm không kịp.

(còn tiếp)
HỒNG-PHONG

GIÓ BỤI KINH THÀNH

tác phẩm hay nhất, các CẨM AI (tác giả TÔI LỒN - cuốn sách hăm mề của những ai muốn hiểu rõ
những cái xa hơn lòng lý... những ngộ nạn tội của Kinh Thành. Sách in ở Ai-đốp. - Gia-ri-ô).

NHỚ ĐÓN ĐỌC: DƯỚI BÓNG CỜ SƠN

Hết số tiền thuyết của HẢI HỒNG. Ai đã đọc TRẮNG ĐỎ

DANH và trên 20 cuốn sách giá trị của HẢI HỒNG không thể bỏ qua được cuốn sách và cũng giá trị này. 20 trang
ĐÃ XUẤT BẢN: nhiều cuốn sách VUI, HAY, LI-KY và ĐEP trong tủ sách nhi đồng và hơn 200
cuốn sách đã các loại đã từng được hoan nghênh nhiệt liệt. HẢI CATALOGUE kèm timbre

NHÀ IN A-CHAU XUẤT BẢN 17 EMILE NOLLY HANOI - TEL. 1240

TỰ-DO HAY KHÔNG TỰ-DO ?

CỦA THANH THẾ-VY

II

Chúng ta đã biết rằng có hai phái. Một phái xướng lên thuyết tự-do và một phái bênh-vực cho định-mệnh.

Phái tự-do, viện ra hai thứ chứng cứ để làm vững thuyết của họ: chứng cứ trực-tiếp, và chứng cứ gián-liếp.

Chúng ta, trước khi hành-dộng một việc gì, cảm thấy có thể lựa chọn hai đường: hoặc làm việc đó hoặc trái lại. Cả hai đường không có bên nào bắt buộc được ta và đều còn chỉ cho ta quyết định cho bên nào là xong. Nếu muốn chúng ta cũng có thể kéo dài sự đắn đo lựa chọn ấy hoặc quyết định ngay cho rút khoát. Ngay giữa khi chúng ta quyết định, chúng ta cũng lại cảm thấy rằng chính lúc đó chúng ta vẫn có thể không theo cách lựa chọn ấy mà làm trái lại. Và cái hành-dộng được ta lựa chọn kia là hoàn toàn vì ta muốn, vì ý-chí của ta tự-do quyết-định. Đó, sự cảm nhận có tự-do của tâm ta như vậy là cái chứng-cứ trực-tiếp duy-nhất và có giá trị nhất.

Phái định-mệnh bẻ rằng cái tự-do ấy chỉ là một sự mô-tưởng hảo thời mà cái tâm đã nhận nhận. Tại làm sao ta làm việc này mà không làm việc kia: Là bởi chúng ta bị chi phối nguyên-nhân lời kẻo: chúng ta cần nhận biết này, suy-bĩ đến nọ, duyên cớ bên này cũng phải; lý lẽ

bên kia cũng hay. Cuộc ganh đua của các nguyên-nhân trái ngược nhau ấy khiến cho tâm ta phát sinh ra do dự mà phải lựa kén. Như vậy việc đó mà thành-hiện được, chẳng phải là vì có duyên cớ sai nên đó ư? Ta có đích-thực có tự-do hành-dộng đâu!

Vấn là có nguyên-nhân cho hành-dộng rồi, phái tự-do trả lời lại, nhưng chính vì có những nguyên-nhân ấy mà ta mới biết là ta có tự-do hay không. Những nguyên-nhân ấy càng rõ-rệt, càng rành-ranh bao nhiêu, thì cái tự-do của ta càng xác-thực, càng hiển-hiện bấy nhiêu. Là vì ta được dẫn độ tỷ lường hơn, suy nghĩ cần-thận hơn, và sự quyết-định của ta không còn gọi là mơ-hồ được nữa.

Những chứng-cứ gián-tiếp gồm có một vài sự việc xảy ra trong xã-hội, như nhời hứa, giải-giao-kẻ, nhời thề danh-dự, nhời khuyên bảo van xin, đạo nạt, v. v. và nhất là chứng cứ thuộc về đạo-đức luân-lý.

Những việc như hứa hẹn, giao kèo, dọa nạt chỉ có thể có khi nào con người được hoàn-toàn tự-do. Không có tự-do người ta không thể tưởng-tượng có những việc đó được nữa. Chúng ta có thể lấy danh dự mà thề rằng chúng ta không tự-từ; nhưng không thể thề rằng không chết trước ngày ấy ngày nọ được. Vì việc tự-từ

là thuộc quyền ta định đoạt, còn chết hay sống lại là người biết mà nói trước được. Chúng ta cũng lại có thể hứa cho ai một thứ quà gì, nhưng không có thể hứa với một người nào rằng ngày ấy sẽ mưa, ngày nọ sẽ nắng. Hứa ấy, thề ấy có thể làm được, có thể có được, chỉ vì chúng ta có tự-do. Nếu cho là không có tự-do, thì còn hứa làm sao, thề làm sao?

Trái lại, phái định-mệnh cho rằng có như, có thể thì lại càng tỏ ra không có tự-do. Người ta hứa, người ta thề sau khi đã suy nghĩ chín. Tại sao người ta lại phải suy nghĩ? Tại có những định-nhân, lý-do. Khi đã cân nhắc - hướng của những anh nên làm khi đã cân nhắc xong xuôi, lúc đó người ta mới thề, mới hứa chứ! Đã có nguyên-nhân duyên-cớ như vậy thì còn nói đến tự-do làm gì.

Nhưng phái tự-do trả lời lại rằng, dù sao là có duyên-cớ ra chăng nữa; thì duyên-cớ ấy có thể khiến cho ta quyết-định đầu. Quyết-định hay không là tùy ở ý-chí tự-do hành-dộng. Chúng ta chống cự lại được với Duyên-cớ, chứ không thể chống lại được với ý-chí. Nhiều người vẫn chẳng không giữ lời hứa, chẳng bỏ nhời thề đó thời. Như thế chỉ tỏ ra rằng duyên-cớ chẳng đủ định-đạo được hành-dộng và càng rõ-rệt là có tự-do vậy.

Về phương diện đạo đức, rõ nguyên nhân duyên cớ nào bắt được ta chịu dưới quyền bản phận, bắt buộc ta phải theo luân lý. Đó là ta tự do lựa chọn hành động đạo lý mà noi theo.

Nhưng những vấn đề đạo đức, luân lý, định-nhân chung có thể giải quyết được. Định-mệnh có thể biểu hiện được thế nào là Thiện; định-mệnh có thể đem điều Thiện làm mỗi giống để giảng giải một mệnh lệnh; định-mệnh lại có thể khiến cho hiểu biết hơn hết cái giá trị quan trọng, cái hiệu-nghiệm, cái kết-quả của những mệnh-lệnh và vì thế mà ta lại càng phải nghe theo những mệnh-lệnh đó.

Tuy nhiên định-mệnh vẫn không nhận được cái tinh cách đặc-biệt của cái đạo đức mệnh-lệnh nó là một vô-thượng mệnh-lệnh nghĩa là nó không bị ảnh hưởng bởi duyên cớ gì hết. Đạo đức là đạo đức, không có một nguyên nhân nào định đoạt được đạo đức cả.

Nội tâm dĩ vậy, chứ đâu sao bên ngoài, đạo-đức cũng chỉ là một lý lẽ để tìm, chứ không có thể tìm cho hiển-nhiên là có tự do được.

Trong phái định-mệnh hãy gác bỏ những thuyết ấy mệnh, vận-mệnh, tiền-định chúng cần-có vào một sự nghĩ mà quên, và chỉ nên nói tới thuyết định-mệnh chính-thức là sai định-mệnh khoa-học.

Trong vũ-trụ bao nhiêu hiện-tượng đều phải tuân theo luật nhân-quả. Mọi việc không thể tự nhiên xảy ra

được. Que diêm không thể tự do bùng cháy được. Phải có que đầu thuốc vào vỏ bao mới làm cháy được diêm. Không có nguyên-nhân không thể có kết-quả được. Và ngược lại cũng thế: có quả phải có nhân. Cái quả tức là cái gì mà nhân gây ra, định nên. Cùng một thứ nhân gây ra cũng một thứ quả. Như thế tức là không có tự-do vậy. Vì một hành-dộng tự-do nghĩa là một hành-dộng mà chúng ở tình-thế ấy, trường hợp ấy có thể xảy ra được, hoặc không xảy ra, hoặc xảy ra mà có khác hẳn với lần trước. Que diêm chẳng đủ tính cách như hạt thắp que khác mà lại tự-do không lóe ra lửa khi sát vào vỏ hoặc đi vào lửa thì không thể hiểu được. Phải tại làm sao mà nó không cháy. Phải có nguyên nhân gì đó mới có kết-quả ấy. Và lại nữa cho là có tự-do thì cũng chỉ như là mọi sự đến ngẫu nhiên sinh ra. Mà cứ theo nguyên-lý nhân-quả thì không có gì là ngẫu nhiên hết, mọi sự đều bắt buộc theo cái luật ấy cả.

Người ta vốn cũng chỉ là một phần-tử trong vũ-trụ, tất người ta phải dưới quyền điều-khiển của cái luật nhân-quả. Bao nhiêu hành động của chúng ta đều không phải là do ý-chí của chúng ta tự-do muốn thế mà đều bị những duyên cớ, những động nhân sai khiến nên cả.

Phái tự-do không chịu mà trả lời rằng luật nhân-quả là chỉ ràng buộc cho cái thế giới hữu hình, cho những hiện-tượng thuộc về vật-lý. Còn về phần đời tâm-lý đã

có cái tự-do. Khoa-học không có quyền lấy một cái luật chỉ nghiệm riêng cho một loại việc để mà giảng nghĩa mọi loại việc khác.

— Nếu như thế chẳng hóa ra đời tâm-lý với đời vật-lý riêng biệt hẳn không dính-dàng gì với nhau ư? Nhưng việc đã nhận xét được tỏ ra rằng ý-chí con người cũng vẫn nhiều khi chịu hưởng đến ngoại vật. Nhưng công nhận có việc đó lại là bảo tạo vật không vâng theo những luật nghiêm khắc.

Không, phái tự-do đáp, nguyên lý của luật chẳng phải vì những hành động tự do của người ăn-tửu rồi lại mà bị lay chuyển chi cả. Cái tự-do ý-chí chẳng hề làm nào động rầy loạn cõi đời vật-lý. Và hành động tự do chính cũng có một nguyên nhân, đó là cái ý-chí. Nhưng cái nguyên nhân này không thuộc về loài hiện tượng vật-lý. Nó thuộc về đời tâm-lý; nó cũng rất hiện nghiệm, và cũng vì thế mà có tự-do chứ không phải là ngẫu nhiên vô giá trị.

Kết cục, phái định mệnh không đủ làm cho chúng ta tin cậy mà phái tự do cũng không khiến cho chúng ta phải quyết định. Và trong khi ta lúng túng thấy rằng có tự do đây thì những hiện tượng trong đời đời lại buộc lý trí ta phải kết luận rằng chính có định mệnh.

T.T.V.

Ký sau:
Tự-do hay không tự-do
(bài III)



Tủ sách
TÂN-VĂN-HÓA

HÀN-THUYỀN
xuất bản

25-5-44 sẽ có bán :

XÁ-MỘI

Việt-Nam

LƯƠNG-ĐỨC-THIỆP biên khảo

Nguyên gốc xã-hội Việt-Nam lịch-sử tiến hóa của dân Việt-Nam. Giải-thích các kiến-trúc kinh-tế, chính-trị văn-hóa của xã-hội Việt-Nam. Con đường phát-triển hiện thời của xã-hội Việt-Nam.

XẤP XUẤT-BẢN

PHÊ-ĐỊNH VĂN-CHƯƠNG TRUYỆN KIỆU
của NGUYỄN ĐẠCH KHOA

HÀN-THUYỀN, 71 Tiên Tsin Hanoi

ĐÃ CÓ BÁN :

Khảo cứu về
Tiếng Việt-nam
của TRẦN-NGÂN giá 2p00

Bước đầu ông mới

Tên lý tiền-thuyết
của DUONG-NGA giá 3p.00

Kim-Tự-Tháp
của Phan-quang-ĐÌNH, 2p00

Phà xuất bản : CỘNG-LỰC
N° 9 RUE JAKOB - HANOI

Tuần - lễ quốc - tế

(Tiếp theo trang 2)

Thuyền-sĩ cũng rất chú ý đến mặt trận thứ hai và cho rằng cuộc xâm lăng Á-tục sắp tới sẽ có ảnh hưởng lớn đến cả Thuyền-sĩ.

Ở mặt trận phía Nam Nga, về địa phận Lỗ, cuộc xung đột đã bắt đầu kịch liệt ở phía đông sông Sereth từ thứ năm đến nay. Quân Nga liên tiếp tấn công có đại bác và phi cơ trợ lực, sau mấy giờ lại khởi một trận đánh rất bất ngờ. Mục đích quân Nga là muốn sẽ một đường ở mặt trận bắc Lỗ, theo dọc sông Sereth mà tiến xuống phía Nam, rồi do từ nơi căn cứ đó sẽ đánh vào vào nội-địa Lỗ.

Hiện Nga đã chuyển lộ quân thứ ba ở Ukraine đến miền sông Pruth để đánh dọc theo sông Sereth, có trệt lại đạo quân Đức giữ trong khu này. Quân Đức-Lỗ kháng chiến rất mạnh, làm cho quân Nga bị thiệt hại lớn. Ở miền quân công Sivas opol, quân Nga vẫn tấn công nhưng vẫn bị đánh lui.

Sở dĩ Hồng-quân tấn công đại đồng và dĩ đột trong miền này là cốt để do sông Sereth, qua gần núi Carpathes vào đất Tiệp và Hung gary xuống miền Nam: Lỗ và các xứ miền Ba-nh-cán. Miền này từ xưa vẫn có một vị trí tối quan trọng ở Trung Âu, ai cũng phải công nhận như thế.

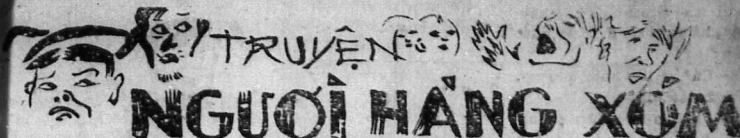
Về miền Đông-Á, đại bản doanh Nhật vừa báo tin rằng do-độc Mineichi Koga tổng-tu-lệnh hạm đội liên hiệp của Nhật đã từ trận hải chiến Mars vừa rồi trong khi ngài đi một chiếc phi cơ ra chỉ huy các cuộc hành binh ở trận tiền, do-độc Soema Togoda được cử lên thay do-độc Koga cầm đầu hạm đội liên hiệp Nhật và do-độc Kengo Yoshida, được cử lên cầm đầu căn cứ hải-quân Yokosuka thay do-độc Togoda.

Vừa rồi, trung tướng Sittwell chỉ huy quân Mỹ ở Trung-hoa và Ấn-độ, trong dịp kỷ niệm ngày lập thành đội quân Hoa-kỳ ở miền Đông Á, đã công nhận rằng quân đồng-minh ở bắc Diên-diện đã gặp nhiều sự khó khăn vì địa thế hiểm trở và hơn nữa còn lo ngại về sức chiến đấu minh liệt của quân Nhật. Tương tự lại tuyên bố là đồng minh hiện còn rất xa mục đích của mình.

GIÁ MUA BẢO

	Một năm	6 tháng	3 tháng
Báo-kỳ, Trung-kỳ	30.00	15.00	6.00
Báo-kỳ, Cao-máo, Á-tục	32.00	12.00	7.00
Nguyệt-quê và cùng số	44.00	24.00	14.00

Món báo phải trả tiền trước mà gửi xin ở:
TRUNG-BÁC CHỦ NHẬT, HANOI



TRUYỆN DÀI của NAM-CAO
(Tiếp theo)

Ông Ngã chỉ gườm gườm đôi mắt. Bà vội đến nhặt những mảnh chai để vớt đi. Một tay bà vịn vào đầu gối ông chống. Ấy là một cách làm duyên. Nhưng ông Ngã lại chớp ngay lấy cổ tay bà vịn. Và đột nhiên ông hỏi :

— Ai bảo mày đánh nhau? Bà Ngã chưa kịp trả lời sao. Bà hực quá. Bà nghĩ tiếc công bà từ từ. Một hộc lòng vói nửa chai rượu chui vào miệng ông Ngã chẳng được một tí nhấm duyên nào hết... Bà khâm miết, giữ mạnh tay một cái, Ấy thế là ông Ngã đứng phắt lên, vút cổ bà, dài xuống. Bà Ngã kêu ằng ặc. Những cái dấm rồi thỉnh thoảng trên lưng bà. Ông Ngã vừa đánh vừa rít lên như đọc nhíp :

— Nổ mồm ! nổ mồm ! nổ mồm !... tài nỏ mồm nữa đi. Khi đã chán tay, ông mới bỏ vợ ra, rồi vừa thử hồng hộc vừa có nói thật to :

— Chỗ hàng xóm láng giềng với nhau, mày làm thế, có khác gì đeo mo vào mặt tao? Xưa nay, tao với nhà người ta không mặt lòng nhau cái gì...

Bà Xgà nhún. Nếu không nhún, rất có thể ông đánh bà đến chết. Bởi ông đang say rượu. Để ông tỉnh rượu rồi sẽ hay. Ông Ngã được thể

càng dứ khỏe. Ông dứ đến mỗi mồm mới thôi...

Trống dấy rồi. Người ta đợi tiếng chuông. Có trống phải có chuông, cái lẽ thường như vậy. Ở xóm Bại thơ, người ta gọi bà Ngã là cái trống. Còn ông hai Mợn là cái chuông. Hễ trống đánh là chuông phải đánh, sự ấy đã quen.

Nhưng lần này bà hai không đánh ông hai. Chỉ vì mấy câu nói của ông Ngã làm bà hả quá. Sáng hôm sau người ta thấy bà chạy cùng hàng xóm. Bà khoe ầm lên rằng: bà Ngã phải một trận đòn ư. Bà lại ca tụng ông Ngã là một người ở phải. « Xưa nay, ai cũng bảo ông Ngã là người dễ rượu. Ấy thế mà ông ấy thật biết điều. Lạy giới lạy đất, nội hàng xóm láng giềng, ông ấy chẳng ở mặt lòng ai. Chỉ có cái con ếch mặt đang đung nhà ông là dứ ếch. Chả trách ông không chịu được... » Bà bảo thế. Rồi bà cười rung cả thân. Nhưng sự há hê của bà chẳng được lâu. Bởi vì đúng ngay vào lúc bà đi hết nhà nọ sang nhà kia để ca tụng láng giềng, thì người láng giềng tỉnh rượu. Ông Ngã thấy bà Ngã không dạy được. Bà đưa mình mẩy quá. Mọi bà sưng

vều. Cả một bên mặt sưng sưng lên Mặt mũi, cổ, cằm, tay sây sát nhiều chỗ lấm. Bà rên khóc. Ông Ngã ngủ ngáy ngời. Ông không đem nhón mặt vọ. Ông nhón trộm. Ông trách ông xử tệ. Mà nào vợ ông có lỗi gì cho cam!

Phải, vợ ông đã đánh nhau với bà hai. Nhưng ai bảo bà hai hay xử tệ? Chao ôi! Cái con mẹ bèo sung ấy có vừa đâu? Nó từ từ gi. l. l. Bại ngời, tòa thì gà nào dám làm mỗ mắt? Chẳng qua cũng bởi nó xử tệ với người ta trước. Nó dứ thì người ta cũng dứ. Đứa nào đại mà chừa thua? Giá ông có là bà Ngã thì ông cũng phải chừa cho con mẹ hai một trận. Ấy thế mà ông còn bênh nỏ. Ông lòi vớ ông ra đánh. Mày đánh vũ phu như vậy! Bấy giờ bà ấy nằm liệt giường liệt chiếu, không đi bán hàng được. Nón bà ấy què, thì ông tính sao? Con ông đấy, ai nuôi? Liệu chỉ trông vào cái cưu, cái đục, ông có kiếm được để gạo ăn cho cả nhà hay không?

A. bây giờ thì ông Ngã biết ông đại lắm rồi. Ông ráng giận ông, không lẽ ông lại đi ông ra mà đánh! Ông chỉ chờ giải thổ ngục. Rồi ông lại thôi ra đi làm. Ông gặp bà hai. Bà đi đi hồi: vồng vồng

toan trở về nhà. Vừa thấy ông, bà cười rề rề, nhả nhả bảo:

— Cái gì tối hôn qua mà làm khiếp thế?

Bà nghe cái đầu xuống mặt, bên vai, đợi nghe ông kể lẽ. Nhưng ông không kể lẽ. Ông cười vỗ ngực vào mặt con bé phi.

Bà hai sừng sốt, sau phút sừng sốt, bà cười lại. Ông Ngã chỉ cần cò thế. Ông đang muốn báo thù cho vợ. Ông tát vào cái mặt nang xúc tạt của bà hai một cái kêu đin bẹt. Bà hai tra tréo. Ông tổng cho bà thêm cái nữa. Rồi ông rảo cẳng chạy ra ngõ ngang. Bà hai đỏ bừng mặt, xóc quần lên đến háng, dậm chân bết bết, gào lên mà cười. Bà dùng những câu cười rủa, cái chính lại những lời bà nói với người ta lúc nãy về ông Ngã. Người láng giềng ấy biết điều rồi lại không biết điều...

Từ hôm ấy, mỗi chiều đi làm về, ông Ngã mang theo một cái chày. Hình nó hơi quăm, cái lưỡi bẹt chày một bên thành một cái mũi nhọn sắc như dao cạo và cứng như lưỡi kiếm. Trông nó còn nguy hiểm hơn dao và kiếm. Nó bập vào gỗ để như bập vào miếng khoai lang. Người thợ chỉ khẽ đập cái

dùi đục trên đầu cái tông làm nảy ra những tiếng kêu rần rần, đã khiến cái mũi chày phăng phăng theo những nét vẽ chỉ ngoằn ngoèo và rắc rối. Cái chày ấy dùng để chạm. Người ta gọi nó là chày tách.

Dần thợ mộc, lúc đánh nhau, đã động dụng đến cái chày tách, là ghê gớm lắm. Thế nào cũng phải có anh dùi đục hay lời mạt. Chỉ khẽ chạm phải, cũng có thể rách da, đứt thịt. Muốn cần

thận, trong lúc đi đường, ông Ngã dúi mũi nó vào một cái bao. Nhưng về đến gần nhà, ông rút cái bao ra. Ông cầm cái chày nhắm nhắm như chực đâm ai. Đối với ông mũi chày lại như khí tức đã tràn lên tận đến mũi. Ông không bằng lòng cho nó thoát ra. Ông giữ nó thật nhiều, thật mạnh. Có vậy lúc bập ra mới khỏe, ông có ý cho người ta hiểu thế. Bởi vì nói cho thật, thì những lúc tỉnh táo, ông cũng nhất,



EROS

X¹-gà nhẹ, thơm, âm dương, rất thích hợp cho người nghiện thuốc lá nặng. Bán lẻ khắp nơi. Bán buôn tại hãng thuốc lá FATONCI, 87 Rte de Hué Hanoi — Téléphone 974

Dầu trị bá chứng Đông-á tốt

ở bán khắp chợ công quả, từ Nam tới Bắc. Đại lý độc quyền: Ets. Đức - Thăng 80 Hồ Gươm, Hanoi